

慧
威
文
集



HUỆ KHẢI

TÂM LÒNG MỘT NGƯỜI THẦY

NXB HỒNG ĐỨC

huệ khái

tấm lòng
một người thầy



CHƯƠNG TRÌNH
CHUNG TAY ẤN TỔNG
KINH SÁCH ĐẠI ĐẠO

ISBN: 978-604-89-5781-0



9 786048 957810

Sách ấn tổng. Không bán.

NHÀ XUẤT BẢN
HỒNG ĐỨC





8. Tháp ông Nguyễn Hiến Lê và bà Nguyễn Thị Liệp (pháp danh Thích Nữ Huệ Đức) tại chùa Phước Ân ở rạch Cai Bường, xã Vĩnh Thạnh, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp. Ảnh: <https://hoangkimlong.wordpress.com>



1. Ngôi nhà cổ của bà Nguyễn Thị Liệp ở số 92 đường Tôn Đức Thắng, phường Mỹ Bình, tp Long Xuyên, tỉnh An Giang. Ảnh: Dũ Lan, 17-02-1995.



2. Nhà nghỉ và làm việc của ông Nguyễn Hiến Lê ở Long Xuyên. Bên trái là ngôi nhà cổ của bà Nguyễn Thị Liệp. Ảnh: Dũ Lan, 17-02-1995.



3. Trong nhà ông Nguyễn Hiến Lê ở Long Xuyên. Tranh thầy đồ dạy học và đôi liễn đem về từ nhà ở Sài Gòn. Ảnh: Dũ Lan, 17-02-1995.



4. Trong nhà ông Nguyễn Hiến Lê ở Long Xuyên. Bàn thờ ông (bên trái) và bàn thờ song thân ông (bên phải). Ảnh: Dũ Lan, 17-02-1995.



5. Giường ngủ của ông Nguyễn Hiến Lê (ở Long Xuyên). Ảnh: Dũ Lan, 17-02-1995.



6. Tháp ông Nguyễn Hiến Lê do bà Nguyễn Thị Liệp lập trong sân trước (nhà ở Long Xuyên). Ảnh do bà Liệp gửi tặng ngày 23-10-1988. (Nay tháp đã dời về chùa Phước Ân ở rạch Cai Bường, xã Vĩnh Thạnh, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp.)

7. Lời bà Nguyễn Thị Liệp đề tặng ở mặt lưng ảnh chụp tháp.

Thân tặng cháu Lê an Dũng
tấm ảnh tháp của Nguyễn Hiến
Lê.
ngày 23-10-88.
Liệp

TẤM LÒNG MỘT NGƯỜI THẦY



Huệ Khải, ký họa bút chì. (Họa sĩ Bửu Long)

Quyển **121-1** trong TỦ SÁCH VĂN HỌC ĐẠI ĐẠO
Chương Trình Chung Tay Ấn Tống Kinh Sách Đại Đạo thực hiện
kỷ niệm ba mươi lăm năm ngày Nguyễn Hiến Lê quy tiên
(22-12-1984 / 22-12-2018)

ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ
Chương Trình Chung Tay Ấn Tổng Kinh Sách Đại Đạo

HUỆ KHẢI
(Dũ Lan LÊ ANH DŨNG)

**TẤM LÒNG
MỘT NGƯỜI THẦY**

In lần thứ nhất

Nhà xuất bản **HỒNG ĐỨC**
Hà Nội 2018

Chương Trình Chung Tay Ấn Tổng Kinh Sách Đại Đạo
in lần thứ nhất 2.000 quyển trong *Tủ Sách Văn Học Đại Đạo*, do
công quả 18.640.000 đồng của quý ân nhân phụng dưỡng như sau:

A. Bảy phần công quả = 10.640.000 đồng:

1. Gia đình ĐT BÙI THỊ CẢNH. TT Ngọc Điện Huỳnh Hà. Gởi đợt 138.	1,000,000
2. Giác linh ĐH CHÍ TÂM (Nguyễn Văn Út). TT Nam Thành. Gởi đợt 141.	2,000,000
3. ĐT ĐẠI CƠ BÁC. Minh Lý Thánh Hội. Gởi đợt 140.	1,000,000
4. ĐT HUỲNH THỊ THỦY. TT Tứ Long Châu. An Khánh, Châu Thành, Bến Tre. Hồi hướng thân phụ (ĐH Huỳnh Văn A). Gởi đợt 140.	1,000,000
5. ĐH PHAN VĂN THÂN. Ấp Cái Bạt, xã Tân Hưng Tây, Phú Tân, Cà Mau. Hồi hướng giác linh thân phụ (ĐH Phan Ngọc Yển) và thân mẫu (ĐT Hồng Thị Tư). Gởi đợt 139.	2,000,000
6. ĐH TẠ VĂN TUẤN. Đà Nẵng. Gởi đợt 125, 126, 127, 128 (hai lần), 129, 131, 132, 134.	1,850,000
7. ĐT TRẦN NGỌC HƯỜNG. TT Calgary, Alberta, Canada. Gởi đợt 138. (100\$Can)	1,790,000

B. Mười sáu phần công quả x 500.000 đồng/phần = 8.000.000 đồng:

1. ĐT ĐINH THỊ HOÀI. Gởi đợt 141.
2. Gia đình ĐT LÊ THỊ KIỀU OANH. Thân Cửu Nghĩa, Châu Thành, Tiền Giang. Gởi đợt 138.
3. Thánh thất LỘ ĐỒ. Bùi Minh Trực, quận 8, TpHCM. Gởi đợt 136.
4. ĐH LƯƠNG NGỌC THỌ. Tân An, Hội An, Tp Hội An, Quảng Nam. Gởi đợt 140.
5. Gia đình ĐT NGỌC VĂN HƯƠNG. TT Thanh Tịnh Đoàn. Gởi đợt 138.
6. Hành Thiện NGUYỄN LỢI. TT Từ Vân, Phú Nhuận. Gởi đợt 138.
7. ĐT NGUYỄN THỊ KIM THỦY (đạo hữu TT Ngọc Minh Đài chuyển giúp). Gởi đợt 137.
8. ĐH NGUYỄN THIÊN DUY. TT An Thạnh, Long An. Gởi đợt 138.
9. TT NHỰT CHÁNH, Bến Lức, Long An. Gởi đợt 140.
10. ĐT PHẠM THỊ THANH LAN. TT Thanh Tịnh Đoàn, Tiền Giang. Hồi hướng giác linh song thân
(ĐH Phạm Văn Sáu và ĐT Đinh Thị Mùi). Gởi đợt 138.
11. ĐH PHẠM TRUNG QUỐC. TT Nhứt Chánh. Bến Lức, Long An. Gởi đợt 141.
12. ĐT TẠ THỊ VUI: Ninh Phú, Bàu Năng, Dương Minh Châu, Tây Ninh. Gởi đợt 128.
13. ĐT TRẦN THÁI DƯƠNG: Cầu Khởi, Dương Minh Châu, Tây Ninh. Gởi đợt 118.
14. ĐH TRẦN NGỌC TÂM, ĐT HỒNG TUYẾT. Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo. Gởi đợt 137.
15. ĐT TRẦN THỊ THỜI. TT Nhứt Chánh, Bến Lức, Long An. Hồi hướng giác linh ĐH Phạm Văn Kỳ
(Phó Hội Trưởng TT Phước Đông, Cần Đức, Long An). Gởi đợt 141.
16. ĐH TRẦN VĂN. TT Trung Phước An, Dak Lak. Gởi đợt 140.

Kính thành hồi hướng cứu huyển thất tổ siêu thăng. Hiệp tâm cầu nguyện
quốc thái dân an, đạo pháp trường lưu, chánh giáo hoàng dương, Đại Đạo Cao Đài
quy nguyên thống nhứt, vạn linh thức tỉnh hồi đầu, đồng đẳng bị nạn.

MỤC LỤC

GIAO CẢM	6
1. TẤM LÒNG MỘT NGƯỜI THẦY	9
2. TỰ HỌC – MỘT NHU CẦU CỦA THỜI ĐẠI	27
3. Ý CAO TÌNH ĐẸP	29
4. NGƯỜI XƯA ĐƯỜNG MỚI	33
5. ĐỌC LẠI THƯ NGƯỜI XƯA	51
6. VĨ THANH	83
7. <i>Ngoại tập</i> : NGƯỜI TRÍ THỨC CHÂN CHÍNH NGUYỄN HIỂN LÊ (<i>trích của</i> Trần Văn Chánh)	91
► Chân dung Lộc Đình Nguyễn Hiến Lê in trên bìa 1 mượn từ https://quynghienle.org . Tôi rất cảm ơn họa sĩ Nguyễn Thanh Nhân và Quỹ Khuyến Học Nguyễn Hiến Lê (địa chỉ: 123/29 đường số 2, phường 16, quận Gò Vấp) đã hoan hỷ cho tôi mượn bức vẽ này.	

Lê Anh Dũng giữ bản quyền © 2018

GIAO CẢM

Tôi luôn mang ơn hai vị thầy: Lộc Đình Nguyễn Hiến Lê (1912-1984) và Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ (1921-2014).

Về thầy Nhân Tử, khi chủ biên hiệp tuyển *Tướng Nhớ Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ*,⁽¹⁾ tôi có dịp bày tỏ tấm lòng trong hai bài viết: *Một Nén Hương Lòng*, và *Đôi Điều Nhớ Nghĩ*.

Về thầy Lộc Đình, hồi ức đầu tiên của tôi được in vào cuối năm 1993, do một thiện duyên. Đầu thập niên 1990, tôi gặp anh Nguyễn Quang Thọ. Bấy giờ anh đang liên kết với một, hai nhà xuất bản để in các tập sách mong mông ra hằng tháng, na ná như tạp chí nhưng không được xem là tạp chí. Sau một vài ấn bản không bền, vào tháng 3-1991 anh Thọ ra mắt *Văn Hóa & Đời Sống*, và kiên trì được hai mươi tám số, trong đó tôi góp tổng cộng ba mươi bài.

Khoảng thượng tuần tháng 11-1993, anh Thọ ghé tôi, nhờ viết gấp một bài cho Ngày Nhà Giáo (20-11). Tôi hơi ngần ngại vì chưa nghĩ ra đề tài gì. Vốn biết tôi chỉ đọc sách Nguyễn Hiến Lê mà sớm trọng kính tác giả là thầy, anh Thọ gợi ý tôi viết về Nguyễn Hiến Lê ở góc độ một nhà giáo.

Bản thảo đánh máy xong, ngần ngẩn. Anh Thọ đọc đến cuối bài thì giở lại trang đầu, cầm bút gạch bết nhan đề và

⁽¹⁾ Hà Nội: Nxb Tôn Giáo, 2014. Quyển 73-1 trong Chương Trình Chung Tay Ấn Tống Kinh Sách Đại Đạo.

sửa thật nhanh: *Tấm Lòng Của Một Người Thầy*. Tôi vẫn nhớ một, hai lần anh sửa nhan đề giúp tôi và sửa rất khéo (không sửa nội dung bao giờ). Bài đăng trên *Văn Hóa & Đời Sống*, tập 27 (tr. 3-6) còn in kèm thủ bút thầy gửi tôi (là thư Kỳ Đồng ngày 25-5-1983), và chân dung thầy, ảnh chụp của Lê Thanh Thái (1927-2012), bút danh Lê Phương Chi, Thái Tâm Canh. Khi tôi hỏi mượn ảnh để in vào bài viết, ông Thái nói: *Anh Lê thích ảnh này lắm*.

Về sau, bài viết năm 1993 in lại trong hiệp tuyển *Thầy Và Trò* của tôi (Nxb Trẻ, 1999, tái bản vài lần), rồi in trong hiệp tuyển *Nguyễn Hiến Lê – Con Người Và Tác Phẩm*, nhiều người viết (Nxb Trẻ, 2003; Nxb Tổng Hợp TpHCM, 2018). Bài này mở đầu cho một số bài khác tôi viết về thầy Hiến Lê, đăng rải rác trên báo *Người Lao Động* và tuần san *SGGP Thứ Bảy* trong vài năm sau. Tôi còn nói chuyện về *“Nhà Văn Nguyễn Hiến Lê: Cuộc Đời Và Sự Nghiệp”* tại Câu Lạc Bộ Văn Học (Nhà Văn Hóa Lao Động TpHCM, số 55B Nguyễn Thị Minh Khai, quận 1) vào sáng Chủ Nhật 16-01-1996.⁽²⁾ Bạn văn cao niên đáng kính của thầy Hiến Lê như bác Lê Ngộ Châu (1922-2006), bác Khai Trí Nguyễn Hùng Trương (1926-2005), v.v... hoặc đọc mấy bài viết đó, hoặc nghe buổi nói chuyện đó, đã “quên tuổi” mà đối xử rất tình cảm với kẻ hậu bối là tôi.

*

Trừ bài *Đọc Lại Thư Người Xưa* và bài *Vĩ Thanh* mới viết, tập hồi ức quý bạn đang cầm trên tay có bốn bài cũ đã góp

⁽²⁾ Câu chuyện sáng hôm ấy được đưa vào bài *Người Xưa Đường Mới*, in trong tập hồi ức này (tr. 33-50).

vào cuốn *Nguyễn Hiến Lê – Con Người Và Tác Phẩm*; khi in lại nơi đây có chút sửa chữa và thêm vài chi tiết nhỏ nhặt. Riêng bài *Tấm Lòng Một Người Thầy* vốn là hồi ức viết vào tháng 11-1993, nay tôi thêm bớt đôi chút, và nhan đề lược đi chữ *Của*.

Tôi tự biết mình dễ bị mang tiếng là “thâm canh” một bài viết cũ. Tuy nhiên, khi rất hữu duyên được thầy Hiến Lê trong mười năm cuối đời dành cho tình cảm đặc biệt, chỉ bảo cặn kẽ gã thanh niên hãy còn bỡ ngỡ với cái thú viết lách trót đam mê từ tấm bé, tôi không ngại nhắc tới những kỷ niệm mà thoát đó đã trở thành chuyện cũ bốn mươi mấy năm. Bởi vậy, *Đọc Lại Thư Người Xưa* là để kể thêm đôi điều chưa nói trong *Tấm Lòng Một Người Thầy*.

Đọc Kinh Thánh, tôi biết lời Đức Giêsu dạy về *người công chính*. Đọc Luận Ngữ, tôi biết những câu Đức Khổng dạy về *bậc hiền nhân quân tử*. Nhưng, nếu ai hỏi thế nào là trang quân tử, bậc hiền nhân, hay người công chính, thì tôi lúng túng lắm. Duy một điều, rõ rệt một điều, đối với tôi thì thầy Nguyễn Hiến Lê quả thật là một người công chính, là quân tử hiền nhân.

Nếu đọc xong tập hồi ức này mà quý bạn cũng đồng ý với tôi như thế, thì tôi rất biết ơn quý bạn.

Nhiều Lộc, 22-11-2018

Huệ Khải

TẤM LÒNG MỘT NGƯỜI THẦY

Đầu năm 1993 tôi xuất bản *Giải Mã Truyện Tây Du*.⁽¹⁾ Người bạn đời của thầy Hiến Lê mân mê quyển sách biểu trên tay, giọng như trầm hẳn đi: *Phải chi ông còn sống, ông mừng cho cháu lắm. Trong số mấy thanh niên, cháu là người ông mến nhất!* Tôi im lặng, chia sẻ cùng cô khoảnh khắc cảm xúc bất chợt. Cô đâu biết, khi đặt bút nắn nót ghi lời biểu cô quyển sách, tôi cũng ngậm ngùi nhiều, vì chính lúc ấy tôi nhớ thầy biết mấy. Trong những điều bất như ý đời mình, tôi cứ tiếc hoài một nỗi thầy đã đi xa khiến tôi không thể xin thầy đề tựa cho quyển sách đầu tay năm ấy...

Trong *Hồi Ký*, có đoạn thầy viết: *Số thanh niên không học tôi mà coi tôi như thầy, thỉnh thoảng viết thư cho tôi thì rất nhiều...*⁽²⁾ Tôi đến với thầy trong tình cảm như vậy. Cho đến bây giờ, trong tâm tôi chỉ có hình ảnh một người thầy, chứ không phải một học giả hay nhà văn.

Quyển *Tự Học – Một Nhu Cầu Của Thời Đại* của thầy, do Thanh Tân xuất bản, tôi được đọc từ những năm đầu tiên của

bậc trung học đệ nhất cấp (nay gọi cấp hai, hay trung học cơ sở). Sách này ảnh hưởng đến tôi nhiều nhất. Cũng từ đó, dù chưa biết Nguyễn Hiến Lê là ai, thấy sách nào có tên Nguyễn Hiến Lê thì mua. Cuốn nào đọc không thích cũng không tiếc, nhủ thầm: Để dành, biết đâu sau này sẽ thích.

Cũng theo hướng dẫn của thầy trong quyển *Tự Học – Một Nhu Cầu Của Thời Đại*, dần dần tôi biết lựa cho mình một tủ sách riêng khá lớn, hàng trăm cuốn, bằng cách để dành tiền ăn sáng. Cứ thế cho tới khi tôi vào đại học.

Giọng văn riêng của thầy. Cách nói khiêm tốn mà xác tín. Sự giải thích rõ ràng để hiểu những vấn đề trừu tượng... Tất cả những đức tính ấy ngày một ảnh hưởng nhiều đến tôi. Yêu sách rồi yêu người viết sách, cuối cùng tôi có suy nghĩ rằng sau này tôi sẽ chọn nghề dạy học và sẽ tập tành viết, để tiêu khiển. Tôi cũng biết mình không có khiếu văn chương, nhưng trong sách thầy khuyên rằng không viết được thì dịch. Do đó tôi ráng học lấy một sinh ngữ.

Đọc sách của thầy nhiều tôi lại thích việc biên khảo. Cuối năm 1974, đang học năm thứ hai (cũng là đầu niên khóa chót) ở Ban Thương Mại thuộc trường Đại Học Trung Cấp Chuyên Nghiệp,⁽³⁾ tôi soạn thử một cuốn mỏng: *Khía Cạnh Tâm Lý Trong Việc Soạn Thảo Thư Từ Thương Mại*,⁽⁴⁾ rồi lại

⁽¹⁾ In tại Nxb Tổng Hợp TpHCM. Về sau, bản in 1993 được tăng bổ và tái bản nhiều lần: Nxb Văn Hóa (Hà Nội, 1995), Nxb Trẻ (2000, 2001), Nxb An Tiêm (Paris, 2003), Nxb Thanh Niên (Hà Nội, 2005), Nxb Tôn Giáo (Hà Nội, 2010, 2011), Nxb Tam Giáo Đồng Nguyên (California, 2011). Nay sách đã hết.

⁽²⁾ Nguyễn Hiến Lê, *Hồi Ký*. Hà Nội: Nxb Văn Học, 1993, tr. 512.

⁽³⁾ Năm cặp theo đường Tô Hiến Thành (quận 11, Sài Gòn), trong khuôn viên Học Viện Quốc Gia Kỹ Thuật (tên gọi từ ngày 15-9-1972, thay cho tên cũ là Trung Tâm Quốc Gia Kỹ Thuật đã có từ ngày 29-6-1957).

⁽⁴⁾ Tôi tự đánh máy trên giấy sếp (*stencils*), rồi mua vài *rames* giấy khổ 21x27cm, mượn máy quay *ronéo* (hiệu *Gestetner*) trong văn phòng hành chánh của Ban Thương Mại in chừng hơn trăm bản,

làm gan gửi thầy một bản đẹp in trên giấy fort trắng mịn.

Qua mấy ngày, tôi nhận được thư thầy viết trên tờ *pelure* mỏng manh, xanh nhạt gấp đôi:

Saigon 29.12.74 ⁽⁵⁾

Cháu Lê Anh Dũng,

Cảm ơn cháu cho một bản giấy tốt tập "Soạn thảo thư từ thương mại".

Đọc xong tôi thấy cháu viết được lắm, sáng sủa, dễ hiểu, ý sắp đặt khéo mà cũng xác đáng. Chưa phải là một công trình dĩ nhiên, nhưng thanh niên viết loại biên khảo được như vậy, không phải có nhiều người đâu. Cháu cứ tiếp tục đi, phải đọc nhiều, kinh nghiệm nhiều rồi viết mới hay, khoảng 40 tuổi trở đi, chứ muốn cho sâu sắc ngay thì không được. Ngành biên khảo như vậy.

Cháu khỏi phải xin lỗi tôi về những bức thư tôi dịch, cháu trích lại và thêm ít chữ ở cuối thư.

Tiểu Anh cháu có khá không?

Mấy năm nữa thì xong ban Thương Mại?

Chúc cháu vui.

(Chữ ký)

tự vô bì, rồi đem ra nhà in bên ngoài trường thuê họ xén. Thời sinh viên, tôi bắt đầu tập "xuất bản" như thế, và được các thầy cô trong trường thương mến, khuyến khích, sẵn lòng cho tôi mượn các phương tiện ấn loát sẵn có trong văn phòng.

⁽⁵⁾ Từ đây trở đi tôi giữ cách ghi ngày tháng của thầy, khác với tôi.

Saigon 29.12.74

Cháu Lê Anh Dũng,

Cảm ơn cháu cho một bản giấy
tốt tập "Soạn thảo thư từ
thương mại"

Đọc xong tôi thấy cháu viết được
lắm, sáng sủa, dễ hiểu, ý
sắp đặt khéo mà cũng xác
đáng. Chưa phải là một
công trình dĩ nhiên, nhưng thanh
niên viết loại biên khảo được
như vậy, khá phải có nhiều
người đâu. Cháu cứ tiếp tục
đi, phải đọc nhiều, kinh
nghiệm nhiều rồi viết mới hay

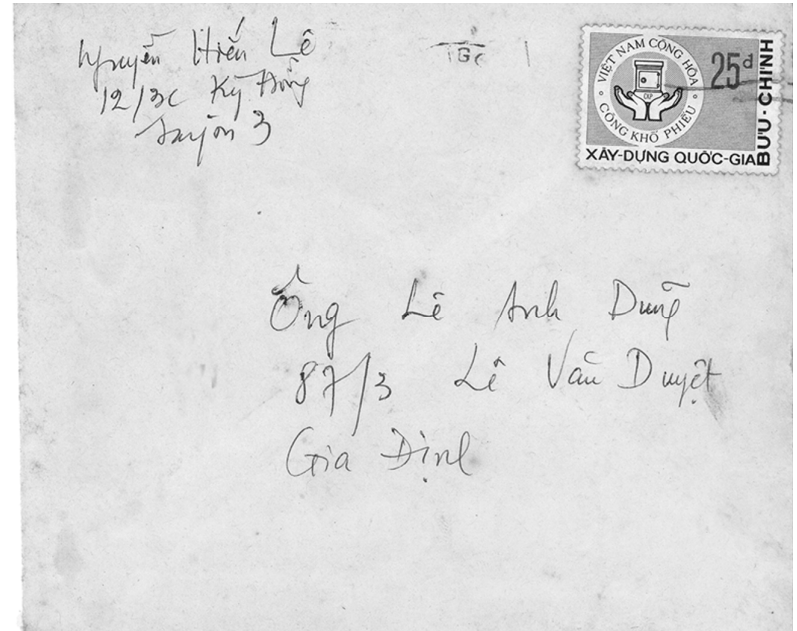
khoảng 40 tuổi trở, chưa muốn
cho sâu sắc ngay thì kỹ nghệ
ngành bên khảo như vậy.

Cháu không phải xin bố mẹ
về những việc thì tốt đẹp, cháu
tức lại và thêm ít chữ ở
cuối thư.

Trăng Anh cháu có khá không?
Mấy năm nữa thì xong ba,
Thương Mai?

Cháu cháu vui

M



Trên phong bì, thầy viết ba dòng:

Ông Lê Anh Dũng
87/3 Lê Văn Duyệt
Gia Định

Chữ Ông dành cho chàng trai mười chín tuổi “rưỡi” (theo dương lịch) khiến tôi suy nghĩ nhiều, và tôi được học thêm một cách viết phong bì thư.

*

Tháng 4-1975, tôi soạn xong cuốn *Danh Từ Quan Thuế – Thuế Vụ Đối Chiếu (Anh-Việt)*, đã tự đánh máy tất cả trên giấy sếp, chưa kịp quay ronéo thì lịch sử sang trang.

[illegible]

phương pháp và cẩn thận đấy. Cứ tiếp tục, sau này cháu sẽ giúp được nhiều về khu vực đó.

Hôm cháu đem tập đó lại cho tôi, tôi đau khá nặng. Tôi đau gần hết nửa năm nay, bây giờ mới khá, nhưng không thấy hăng hái làm việc nữa.

Trung Hoa là cả một lục địa lớn như châu Âu mà có lịch sử, văn minh từ 3000-4000 năm nay nên sách vở của họ nhiều vô kể, nhân danh và địa danh của họ nhiều vô kể. Người Âu phiên âm mỗi nước một khác, ngay một nước cũng có 2 cách như Anh có 2 cách, Pháp cũng vậy. Mới đây lại thêm cách phiên âm chính thức của chính quyền T.H. lục địa, thành thử không có qui tắc nào cả, không tra cách đọc ở đâu được cả, không có bảng đối chiếu nào tạm đủ dùng được cả. đành phải đọc cho nhiều rồi đoán thôi. Như Anh phiên âm là lì, có thể là chữ lê, lễ, lí, lợi, lì Trung Hoa. Mà lì cũng có mấy chữ. Như vậy chỉ thấy Anh phiên âm là lì, phải đoán ra được là chữ nào của T.H. Tôi chỉ có một bảng nhỏ để tra ít địa danh quan trọng của T.H. (tên tỉnh, thị trấn, sông, núi lớn). Khi nào cháu muốn tra, lại nhà tôi mà tra. Cuốn đó tôi không thể cho mượn được. Còn về nhân danh thì tôi không có. (Chữ ký)

T.B. Phải. Kansu = Cam Túc, Shansi = Sơn Tây, Shensi = Thiểm Tây.

Mấy năm sau đó, một hôm thầy viết thư bảo tôi ghé nhà ở đường Kỳ Đồng chơi. Rồi thầy mang tập *Danh Từ Quan Thuế – Thuế Vụ Đối Chiếu (Anh-Việt)* gửi lại tôi, giải thích rằng thầy đang thu dọn sách vở ở Sài Gòn để đem bớt một ít về Long Xuyên; cuốn này thầy trao tôi giữ thì biết đâu sẽ có ích hơn.

Về nhà, tôi giờ ra xem, thấy rải rác bên lề thầy có ghi một

số nhận xét bằng bút chì, rồi thầy còn cộng xem mỗi trang có bao nhiêu mục từ, cả tập sách tổng cộng được bao nhiêu.

Mở đầu thư dẫn trên, thầy viết: *Tôi đã đọc tập Danh từ quan thuế... in rất đẹp mà cháu đã trang trọng gửi cho tôi.* Quả thật, thầy không hề nói xã giao. Một tập sách khá dày, khổ A4, cầm chẳng gọn, lại cực kỳ khô khan, vậy mà...

Thứ Ba 26-6-1979, cũng bởi đang tập đọc sách tiếng Anh viết về Trung Quốc, tôi biên thư hỏi về tài liệu mà bốn năm trước, trong thư Thứ Ba 26-8-1975, thầy bảo: *Tôi chỉ có một bảng nhỏ để tra ít địa danh quan trọng của T.H. (tên tỉnh, thị trấn, sông, núi lớn).* Khi nào cháu muốn tra, lại nhà tôi mà tra.

Thứ Năm 02-8-1979, tôi nhận được thư thầy từ quận 3 gửi về Bình Thạnh.

01.8.79

Cháu Anh Dũng,

Tôi về Long Xuyên nghỉ từ 4.6, thư 26.6 của cháu gửi về Kỳ Đồng, ngày hôm nay lên đây, tôi mới được đọc, trả lời ngay cho cháu.

Chắc cháu mong lắm.

Tôi vẫn còn nhớ cháu. Cháu có chí và làm việc đàng hoàng.

Hiện nay cháu làm việc ở sở nào mà cần nghiên cứu các sách Anh Hán?

Những tài liệu hồi đó tôi muốn đưa cho cháu chép đó, tiếc rằng mấy năm trước tôi đã cho một ông bạn ở Hà Nội, khi ông vào đây thăm tôi. Tôi nghĩ mình đã già rồi, không còn nghiên cứu gì nữa, để cho người khác giữ, có ích hơn.

Tôi nhớ những tài liệu đó ở trong một cuốn *China Yearbook* in ở Đài Loan trước 1970, gồm 1 bản đồ Trung Quốc, vài ngàn địa danh (chữ Hán và phiên âm theo Anh), với một mục *Who's Who* gồm khoảng 500-600 nhân danh Trung Hoa hiện đại; còn nhân danh thời xưa như Lí Bạch, Tư Mã Thiên v.v... thì chỉ lác đác, ít lắm, trong mục tóm tắt lịch sử T.Q. vài chục trang. Như vậy không thấm gì đâu, nhưng cũng giúp ta được một đôi khi.

Cháu lại chợ sách cũ ở đường Cá hấp (sau hăng Sinco – máy may – góc đường Trần Hưng Đạo và đường Calmette), tìm một vài quán sách cũ, nhờ người ta kiếm giùm cho. Tốn công vì phải chờ có khi cả năm, may ra người ta kiếm được.

Chúc cháu may mắn.

(Chữ ký)

Thầy xoay ngang lá thư (một mẫu giấy hẹp chừng non tờ A5) viết thêm hai dòng, như một tái bút:

Tôi gần 70 tuổi rồi, suy về thể chất lẫn tinh thần, lúc này chẳng viết lách gì nữa.

Một lần Thầy biên thư bảo tôi lại chơi vào buổi chiều. Đó là lần đầu tiên tôi gặp mặt thầy. Thấy tôi đeo kính, Thầy bảo có ai đó viết sách nói về chữa tật cận thị. Thế rồi vào Thứ Bảy 13-10-1979, tôi nhận được thư của thầy gửi từ Kỳ Đồng:

11.10.1979

Cháu Dũng,

Tôi đã tìm được cuốn *L'art de voir* của Aldous Huxley mà hôm đó tôi nói với cháu.

Huxley có một phương pháp luyện mắt để trị cận thị. Cháu

muốn đọc thì lại mà lấy. Buổi chiều nào tôi cũng có nhà.

Thân ái

Nguyễn Hiến Lê

Việc dù nhỏ nhưng thầy đều luôn ân cần, chu đáo. Thư thầy viết cho tôi thường ngắn gọn. Có khi chỉ là một phần tư hay một phần tám của tờ giấy khổ A4. Viết một hoặc hai mặt. Hết chỗ thì xoay ngang viết chen vào lề. Trông giống như một *memo*. Nhưng khi giải đáp cho tôi những vấn đề về học thuật thì thầy không tiếc công ngồi viết tỉ mỉ. Thầy thường hoàn lại tôi thư tôi hỏi, các câu trả lời thầy viết bằng mực khác màu với tôi, bên cạnh chỗ tôi hỏi. Cụ thể mà tiện cho tôi lắm. Rồi thầy thấy cần thì biên thêm cho nửa trang A4 nữa.

Thường, ở Long Xuyên lên thầy hay gửi thư báo cho biết, dặn tôi ghé chơi buổi chiều. Chẳng hạn:

- Thư Sài Gòn, Thứ Ba 11-11-1980:

Cháu Lê Anh Dũng,

Tôi đã nhận được từ lâu thư cháu cảm ơn tôi. Lúc này cháu học đại học sinh ngữ đấy chứ. Có nghiên cứu gì thêm không? Bác sĩ Thọ đi chưa? ⁽⁶⁾ Tôi còn ở Sài Gòn tới cuối tháng 11 tây lịch rồi lại về L.X. Chiều nào đó cháu lại chơi nói chuyện văn học.

(Chữ ký)

- Thư Kỳ Đồng, Thứ Năm 26-5-1983:

⁽⁶⁾ Năm 1982 ông bà bác sĩ Nguyễn Văn Thọ mới qua Mỹ, định cư ở bang California.

Cháu Dũng,

Tôi đã nhận được thiệp chúc Tết của cháu. Hai tháng sau mới tới! Cảm ơn cháu.

Tôi mới lên đây, còn ở đây tới 15 juin. Hôm nào lại chơi tôi, buổi chiều, tôi đưa cho cháu một cuốn sách.

Thân

(Chữ ký)

Cuối thư trên, thầy viết lại chơi tôi (thay vì lại tôi chơi), khiến tôi mỉm cười. Thư 30-8-1984 cũng vậy (xem tr. 81).

- Thứ Ba 15-11-1983, thư thầy tới Gia Định:

Kỳ Đồng 12/11/83

Cháu Lê Anh Dũng,

87/3 Đinh Tiên Hoàng, Gia Định.

Tôi đã lên, sẽ ở đây tới cuối Nov. Hôm nào cháu lại lấy bộ Muốn giỏi toán Hình học Không gian.

Thân

(Chữ ký)

- Thư Long Xuyên, Thứ Bảy 26-5-84, thầy viết trên hai mặt tờ pelure khổ A5:

Cháu Dũng thân,

(...) / Khoảng cuối tháng juin tôi mới lên được, mà còn tùy sức khỏe nữa. / Thân ái / (Chữ ký)

Vào khoảng đó hay đầu juillet cháu ghé tôi buổi chiều.

Sau này cô cũng vậy, cũng hay nhắn tôi đến như thuở thầy

sanh tiền. Có cuốn sách nào của thầy mới tái bản, thỉnh thoảng cô lựa ra một hai quyển, dặn người nhà để dành cho tôi.

Biết ý thầy, đến chơi tôi không dám ngồi lâu. Có lần tôi ghé lúc thầy đang tiếp ba văn hữu cao niên ngoài Bắc vào thăm. Tôi vội xin phép về thì thầy vui vẻ giữ lại và giới thiệu: *Đây là anh bạn trẻ vong niên của tôi.* Làm tôi ngượng. Khách về rồi, thầy nhắn mặt: *Cả ngày hôm nay ngồi tiếp khách mệt quá.* Cầm lon thuốc rê cổ hữu, thầy bảo tôi lên lầu, chỗ thầy làm việc. Hôm đó tôi có cảm giác thầy rất vui. Thầy nằm ở chiếc giường một, bằng gỗ đơn sơ, không nệm, kê ở một góc phòng. Góc kia là cái bàn nhỏ để ngồi viết. Mọi thứ ngăn nắp, sạch sẽ. Thầy bảo tôi kéo ghế lại bên giường ngồi cho gần, để nói chuyện. Thấy tôi chú ý vài món trang trí nho nhỏ trong phòng, thầy vui vẻ giải thích. Đó là những kỷ vật mà độc giả nơi xa, học trò cũ, bạn văn tặng. Ấy là lần duy nhất tôi trò chuyện rất lâu với thầy, vì khi tôi xin cáo từ thì thầy cầm lại thêm, mà liền sau đó, cơn mưa chiều khá dai dẳng lại bắt chợt ập xuống thành phố.

Thư cho tôi, thỉnh thoảng thầy báo sơ cho biết về bệnh tật, giọng nhẹ nhàng:

Tôi gần 70 tuổi rồi, suy về thể chất lẫn tinh thần, lúc này chẳng viết lách gì nữa. (Thư Sài Gòn, Thứ Tư 01-8-1979)

Thời tiết mùa mưa này ở Long Xuyên (miền ngập nước) không tốt đâu. Nhà nào cũng có người đau. Tôi một tháng nay đau nhiều bệnh vặt, cứ vài ngày ăn cơm lại vài ngày ăn cháo và ngày nào cũng uống thuốc. (Thư Long Xuyên, Thứ Năm 18-8-1983)

Thứ Tư 15-02-1984, tôi viết thư hỏi thầy một số việc nhân biên khảo một quyển sách chú giải.⁽⁷⁾ Thư Long Xuyên, Thứ Sáu 23-3-1984, thầy trả lời hết các câu hỏi. Nhiều chỗ, thầy ghi ngay bên cạnh câu tôi hỏi: *Chịu. Chịu thôi.* Hoặc: *Tôi không biết.* Đồng ý cách tôi giải, thầy viết: *Đồng ý với cháu.* Hoặc: *Tôi cũng nghĩ như cháu.* Khi phủ nhận thì rất gọn: *Không tin được, bỏ đi.* Hoặc: *Tôi không tin thuyết đó.*

Hôm viết thư ấy, thầy không được khỏe: *Tôi nửa năm nay sức suy nhiều, hay đau lưng: thận thủy và hỏa đều suy. Cháu uống toa nào trị thận thủy suy đó? Phải toa địa hoàng lục vị không? Suốt ngày tôi nằm võng. (Thư này viết trên võng đây.) Mắt lại bị cataracte: tra tự điển T.H. phải ra chỗ thật sáng và dùng loupe (...).*⁽⁸⁾ Thế mà thầy vẫn ân cần kèm theo một tờ A5, viết kín hai mặt giấy, chỉ dẫn thêm cho tôi ngoài những phần đã giải đáp.

Lược Ngữ (7:38) chép rằng Đức Khổng Tử ôn hòa mà nghiêm trang, có uy nhưng không dữ (*ôn nhi lệ, uy nhi bất mãnh*). Đọc câu này, tôi sực nhớ tới thầy, vì thầy nghiêm nghị mà khoan hòa. Trò chuyện với thầy tôi thường dè dặt; thế nhưng một hôm, nhân vừa đọc bản dịch bài *Ngẫu Tác* của một học giả ở miền Bắc (in tại Hà Nội năm 1974), tôi cao hứng nói với thầy rằng lúc dịch hai câu *Đường trung đoạn tọa tịch vô ngôn / Nhân khán Côn Luân nhất lũy yên*, thì vị ấy

⁽⁷⁾ Đã in: *Tìm Hiểu Kinh Cúng Tứ Thời*. Huế: Nxb Thuận Hóa, 1995.

⁽⁸⁾ *cataracte*: Bệnh đục thủy tinh thể.

T.H. tức là *Từ Hải* 辭海 (nghĩa là *biển từ*), tên một pho từ điển chữ Hán nổi tiếng của Trung Quốc.

loupe: Kính lúp, kính hội tụ phóng đại dùng để nhìn vật nhỏ.

đã hiểu sai ý thơ của Tuệ Trung Thước Sĩ nên giải thích rằng thiền sư ngồi lặng thảnh giữa nhà ở nước Nam và nhìn thấy khói của tiều phu đốt lửa tủa trên đỉnh núi Côn Luân tận bên Trung Hoa; lẽ ra nên giảng là trong lúc nhà sư tọa thiền, trên đỉnh đầu (núi Côn Luân) có luồng khí bốc lên như một sợi khói (*nhất lũy yên*). Nghe tới đó, thầy cười xòa, hỏi liền: *Sao cháu biết điều ấy?* Cách thầy cười hôm xưa tôi nhớ hoài; thầy nào phải quá nghiêm đâu.

Khoảng cuối tháng 12-1983, xảy ra một việc mà tôi rất có lỗi với thầy. Hôm ấy, tôi được thư thầy cho biết đã lên Sài Gòn, bảo chiều đến chơi. Giữa chừng câu chuyện, thầy hỏi tôi có tin tử vi thì đưa giờ sinh, ngày sinh chính xác để thầy chấm cho lá số. Biết tôi đã có sẵn lá số, thầy tươi cười nói mau: *Như thế tôi khỏi mất công chấm. Cháu về mang lại cho tôi đoán.* Lúc tiễn tôi ra tận ngoài thềm hiên, thầy còn nhắc đem lá số đến gấp vì thầy sắp về Long Xuyên.

Bây giờ nhớ lại tôi vẫn tự trách, ân hận cho tính thanh niên nông nổi, cạn nghĩ. Tưởng đâu tôi không đến thì thầy bỏ qua chuyện tử vi đi (dù tôi đã ghi lại giờ và ngày sinh cho thầy trước khi về). Giờ đâu, thư Long Xuyên, Chủ Nhật 15-01-1984, thầy viết:

Cháu Lê Anh Dũng,

Tôi về đây được trên nửa tháng. Trước khi về có ý mong cháu tới, tôi đoán lá số cho. Cháu không đem tới, thành thử tôi phải lấy.

Đọc thư và lời thầy giải lá số lòng tôi quá thẹn. Tôi nhớ chuyện cũ:

Xưa có Ngô Quý Trát đi sứ sang nước Từ, vua nước này tỏ

về ưa thích thanh gươm của sứ thần mà không dám mở lời. Quý Trát biết thế, định bụng hễ xong chuyến đi sứ các nước, lúc trở về sẽ ghé nước Từ và tặng gươm báu. Nào ngờ khi về thì vua nước Từ đã mất, Quý Trát bèn treo gươm ở mộ vua để giữ trọn ý định tặng gươm.

Không ai mở miệng xin mà chẳng ai hứa tặng, thế nhưng đã đến mức như vậy. Tôi giật mình sợ hãi, thầy đã nói ra lời, làm sao quên được. Tôi nghiệm ra rằng, cho dù a tăng kỳ kiếp về trước hay là a tăng kỳ kiếp sau này, dù ở Tây phương thế giới hay Đông thổ trần gian, các bậc chính nhân quân tử cũng đều có một cung cách sống mà thôi. Như thầy Hữu Tử bảo: *Tín cận ư nghĩa, ngôn khả phục dã.*⁽⁹⁾

Khi viết về Đức Khổng Tử, thầy nhận định: Học thì không biết mệt mỏi mà dạy người khác thì tận tâm tận tụy. Chính thầy cũng có đức tính đó. Thầy còn một đức tính mà nhờ gần thầy nhiều, tôi nghiệm ra được, đó là không bao giờ thầy nói điều gì bất lợi cho một người vắng mặt.⁽¹⁰⁾

Đức Khổng Tử dạy: *Tri chi vi tri chi, bất tri vi bất tri, thị tri dã.*⁽¹¹⁾ Đọc sách thầy, qua thư từ với thầy, trò chuyện cùng thầy, tôi nhận thấy thầy luôn luôn trong sáng trong tư tưởng, học thuật. Cái gì biết, dù tôi hỏi ít, thầy cũng liệu theo sức của tôi mà tận tâm chỉ vẽ cặn kẽ. Cái gì không chắc, không biết thì

⁽⁹⁾ Hứa điều gì hợp nghĩa thì nên thực hiện lời đã hứa. (*Luận Ngữ*, Học Nhi, 13)

⁽¹⁰⁾ Đây là một vị có danh tiếng trong văn giới, học giới Sài Gòn trước kia. Bởi tập tành theo đức *ấn ác dương thiện* của thầy, ở đây tôi chẳng tiện kể lại cụ thể.

⁽¹¹⁾ Biết điều gì thì nhận là biết, không biết thì nhận là không biết, như vậy là biết. (*Luận Ngữ*, Vi Chính, 17)

thẳng thắn nói ngay là không biết. Cho tới khi nghỉ hưu, tiếp xúc nhiều giáo chức trong ba mươi tám năm đi dạy, tôi biết không phải nhà giáo nào cũng có được đức tính quý báu đó. Nhất là đối với học trò mình.

Tôi biết có những tác giả mà người đọc chỉ nên đứng rất xa để chiêm ngưỡng, vì họ sống không như họ viết. Đức Lão Tử dạy: *Tri giả bất ngôn, ngôn giả bất tri.*⁽¹²⁾ Với thầy, tôi tin có thể sửa lại câu nói ấy: *Tri giả năng ngôn, ngôn giả năng hành.*⁽¹³⁾ Vì quả thực, thầy biết sao thì nói đúng, viết đúng và làm đúng, sống đúng như thầy đã nói đã viết.

Đức Khổng Tử có lần than phiền: *Trước kia, nghe ai nói, ta tin rằng đức hạnh của họ hợp với lời của họ, ngày nay thì ta dâm ngờ, phải quan sát xem hành động của họ có đúng với lời họ nói không.*⁽¹⁴⁾ Với thầy, tôi cho rằng Đức Vạn Thế Sư Biểu không thể có chỗ hoài nghi. Phật Giáo coi trọng thân thuyết hơn khẩu thuyết. Nho Giáo đề cao tri hành hiệp nhất. Thầy viết hàng bao nghìn trang để dạy cho bao thế hệ nên người, thì đòi thầy chính thực đã là một con Người với chữ N viết hoa trân trọng.

*Bà Chiêu, 20-11-1993
(Xem lại bản in tháng 10-2003,
có sửa chữa và thêm vài chi tiết nhỏ nhất.
Phú Nhuận, 21-11-2018)*

⁽¹²⁾ Người biết không nói, người nói không biết. (*Đạo Đức Kinh*, chương 56)

⁽¹³⁾ Người biết thì nói được; người nói được thì làm được.

⁽¹⁴⁾ *Luận Ngữ*, Công Dã Tràn, 9.

TỰ HỌC – MỘT NHU CẦU CỦA THỜI ĐẠI

Cuối thập niên 1960, đang ở bậc trung học đệ nhất cấp (nay gọi trung học cơ sở hay cấp hai), tôi bắt gặp một quyển sách do nhà xuất bản Thanh Tân in năm 1968. Trên 200 trang giấy xấu, chữ nhỏ, không có lấy một tranh ảnh phụ bản. Đã vậy bìa ngoài chỉ gồm mấy dòng chữ xanh dương đậm, suôn đuột, in trên nền xanh lục phơn phớt. Chân phưng đến mức đơn điệu, khô khan. Thế nhưng, dẫu chưa biết Nguyễn Hiến Lê là ai, tôi chẳng ngần ngại vét sổ tiền dành dụm ít ỏi của mình để được sở hữu quyển sách mang cái nhan đề gọi lên nổi tò mò khám phá: *Tự Học – Một Nhu Cầu Của Thời Đại*.

Ngay chương đầu tiên đã lôi cuốn tôi vì những lý lẽ tân kỳ đối với lứa trẻ mười bốn, mười lăm tuổi: *Tự học là không ai bắt buộc mà tự mình tìm tòi, học hỏi để hiểu biết thêm. Có thầy hay không, ta không cần biết. Người tự học hoàn toàn làm chủ mình, muốn học môn nào tùy ý, muốn học lúc nào cũng được; đó mới là điều kiện quan trọng.* (tr. 12)

Thú thực tôi chưa làm theo hết tất cả những chỉ dẫn đầy kinh nghiệm và sáng suốt của tác giả, nhưng sách đã sớm “khai thị”, dẫn dắt tôi vào một con đường kỳ thú. Noi theo đó, ngay từ hồi trung học tôi đã tự lập cho mình một tủ sách giá trị với hàng trăm quyển, bòn mót dần dần từng cuốn một bằng cách để dành tiền ăn sáng.

Học tú tài ban Toán, vào đời với mảnh bằng thương mại,

nhưng sau này tôi mưu sinh bằng việc dạy tiếng Anh. Gần bốn mươi tuổi trở đi tôi có thêm cái thú biên khảo và in sách, chọn những đề tài mà trước đây tôi thiếu cơ hội được học ở nhà trường. Vô tình tôi tự ứng nghiệm những gì tác giả Nguyễn Hiến Lê đã viết trong sách *Tự Học – Một Nhu Cầu Của Thời Đại*:

(T)ự học không đủ để làm giàu, nhưng tự học là một cách lương thiện và chắc chắn để kiếm tiền và tăng lợi tức của ta lên. (tr. 31)

(B)iết bao người bỏ nghề chính, sinh nhai một cách rất lương thiện bằng một nghề phụ, nghề mà hồi trước họ tự học để tiêu khiển. (tr. 32)

Trong tủ sách nhà tôi, quyển *Tự Học*... năm xưa tuy ngả vàng, cũ kỹ nhưng vẫn cứ là rất mới. Mới, vì nó vạch ra con đường tự học để đáp ứng nhu cầu của thời đại, một thời đại bùng nổ thông tin với tốc độ mà cái học ở nhà trường dù được cập nhật nhanh chóng chẳng nữa cũng e khó đuổi kịp.



Tháng 9-2002
Phú Nhuận, 30-10-2018
(Có chút sửa chữa.)

Ý CAO TÌNH ĐẸP

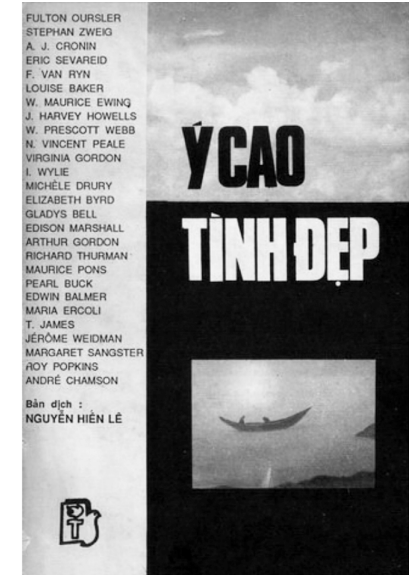
Có vài quyển sách in giấy tái sinh, đen đũi, thô ráp, con chữ lờ mờ nhỏ xíu, dấu tích một thời khó khăn xa cũ, nhưng bạn không hề muốn thay thế bằng ấn bản mới mấy năm sau này, dù giấy trắng đẹp hơn, chữ in rõ ràng sắc sảo hơn, bìa ngoài màu sắc bắt mắt hơn. Xếp trên kệ chung với những quyển sách ấn loát mỹ thuật thời nay, quyển sách cũ kỹ năm xưa khác chi chú cừu đen lạc lõng giữa đàn cừu trắng. Vậy mà bạn nhất định giữ gìn nó cẩn thận, cũng là giữ một kỷ niệm trong đời. Với tôi, *Ý Cao Tình Đẹp* của nhà văn Nguyễn Hiến Lê là trường hợp như thế.

Bản in đầu ở Sài Gòn trước 1975 tôi không có, chỉ mua được bản do nhà xuất bản Trẻ in lại lần thứ nhất vào tháng 3-1989. Dòng mực tươi xanh ghi đậm nét ở đầu lời *Tựa* nơi trang 5 giúp tôi xác định ngày mua là 24 tháng đó. Nghĩa là sách vừa phát hành không lâu. Sáng Thứ Sáu hôm ấy, sau giờ đứng lớp ở ngôi trường nằm trên đường Phan Đình Phùng,⁽¹⁾ lững thững ra hiệu sách nhỏ gần ngã tư Phú Nhuận, cách chỗ dạy học mấy căn nhà và vài cửa tiệm, tôi tình cờ bắt gặp tập truyện dịch dày chưa tới 200 trang do nhà văn Nguyễn Hiến Lê tuyển chọn trong non hai mươi năm.

⁽¹⁾ Theo Nguyễn Đình Tư: Từ năm 1954 là đường Võ Di Nguy, đến ngày 04-4-1985 đổi tên là đường Phan Đình Phùng.



Nguyễn Hiến Lê
Tạ Tỵ vẽ (18-3-1975)



Chỉ có ba mươi bốn câu chuyện ngắn gọn, những chuyện người thật việc thật mà tác giả hầu hết không phải là nhà văn, không cùng quốc tịch. Chuyện chủ yếu xoay quanh những vật vãnh trong cuộc sống bình thường của một em bé bán rong, một anh lính đi nuôi bệnh, một thầy tu lẩn lóc với kẻ bần cùng, một chàng trai sa cơ lỡ vận, một ông bố đắm tàu, một khách du lịch, một thiếu nữ cụt tay, một chiến sĩ ngoài mặt trận, một trò trường tiểu học, v.v... Vậy mà tất cả đều cùng toát lên một ý cao tình đẹp thâm trầm. Cả quyển truyện là bản đồng ca truyền cảm đến rơi lệ của những tâm hồn nhân bản, làm ta vững tin vào khả năng vô tận ở chính mỗi người chúng ta, vững tin vào giá trị bền bỉ muôn thuở

muôn phương của lòng nhân ái, của tính thiện bất kể tuổi tác ngành nghề, màu da sắc tóc, văn hóa ngữ ngôn...

Đọc đi đọc lại *Ý Cao Tình Đẹp* tôi bỗng nảy sinh ý nghĩ: Chuyện người thật việc thật như thế này lẽ đâu chỉ có ngần ấy, sao mình không thử nối tiếp công việc của nhà văn Nguyễn Hiến Lê đem hương sắc bốn phương góp phần hòa điệu văn hóa đạo đức truyền thống nước nhà. Một bài luận lý khô khan nặng tính giáo điều chẳng ai thèm xem, nhưng một câu chuyện đơn sơ chân thật lay động tận sâu thẳm lòng người thì ai cũng muốn đọc, muốn nhớ, muốn truyền trao người khác.

Thế là tôi bắt đầu lưu ý tuyển dịch. Phạm vi phong phú của *Ý Cao Tình Đẹp* trải rộng khá nhiều mặt giữa đời thường, trái lại tôi tích lũy dần dần theo từng chủ điểm riêng biệt. Trong khoảng mười năm (tính tới năm 2003), với định hướng ấy, lần lượt từng mẩu chuyện nhỏ được đều đặn đăng trên tạp chí *Yêu Trẻ*; sau đó được gom lại gửi nhà xuất bản Trẻ và nhà xuất bản Giáo Dục in thành tám tập mỏng, xoay quanh bốn mối quan hệ: cha và con, mẹ và con, thầy và trò, người và người. Vài quyển trong số đó đã in lại khá đều đặn. Ba quyển nằm trong danh mục hơn hai trăm nhan đề mà Bộ Giáo Dục có công văn liệt kê cho học sinh trường phổ thông đọc. Nhờ sự đồng cảm của cô Nguyễn Hường Dương (1971-2018), *Thư Viện Sách Nói Dành Cho Người Mù* đã tuyển lấy một số nhan đề rồi tổ chức đọc sách và ghi âm vào băng cát-xét, đĩa CD để phục vụ miễn phí những người khiếm thị.

Nhờ những tập truyện dần dần hình thành từ nguồn cảm hứng sau khi đọc *Ý Cao Tình Đẹp*, tôi vui sướng có thêm các bạn quý gần xa, nhất là một vài bạn văn bậc đàn anh với

những lịch duyệt dày dặn từ trước năm 1975 (khi tôi hãy còn là chú học trò nhỏ). Quả thật, nhờ vậy tôi được khích lệ, và thêm nhẫn nại với nỗi đam mê viết lách từ thuở bé. Mỗi thiện duyên này khiến tôi nhớ lời thầy Tăng Tử (*Luận Ngữ*, 12:24): *Dĩ văn hội hữu, dĩ hữu phụ nhân*. 以文會友, 以友輔仁. (Dùng văn chương họp bạn, dùng bạn giúp nuôi lớn đức nhân.)

Mỗi khi ai đó nói với tôi về hiệu ứng tốt đẹp mà các bản sách tôi dịch đem đến cho họ, an ủi họ, và củng cố niềm tin của họ vào những giá trị nhân bản bất biến giữa cuộc sống phù hoa, thật hư điên đảo, thì tôi không khỏi chạnh nhớ *Ý Cao Tình Đẹp* của nhà văn Nguyễn Hiến Lê.⁽²⁾

Phải, tôi mang ơn thầy, mang ơn thầy nhiều lắm.

Phú Nhuận, 30-10-2018
(Sau khi xem lại bản in tháng 10-2003,
có chút sửa chữa, viết thêm vài chi tiết nhỏ nhặt.)

⁽²⁾ Khi chủ biên Chương Trình Chung Tay Ấn Tổng Kinh Sách Đại Đạo, tôi đã in trong Tủ Sách Văn Học Đại Đạo bốn nhan đề: *Sống Đẹp Là Sống Đạo, Cao Cao Dáng Núi, Ai Đo Lòng Biển, Gửi Lại Cho Đời* (Hà Nội: Nxb Hồng Đức, 2017, 2018). Các sách này cũng là quả ngọt gặt hái từ cái nhân lành năm nao: *Ý Cao Tình Đẹp*.

NGƯỜI XƯA ĐƯỜNG MỚI

Tháng 7-1999, Tp.HCM chánh thức có thêm 142 đường mới.⁽¹⁾ Trước đó hơn một tháng, chỉ vài dòng chữ ngắn gọn in ở trang trong một tờ nhật báo, vậy mà tôi cứ phải đọc đi đọc lại, với nhiều cảm xúc: *Nhà văn, học giả, viết hàng trăm bộ sách chủ yếu giáo dục thanh niên được nhiều người trân trọng.*⁽²⁾ Đó là phần thân thể thật cô đọng in kèm theo tên một con đường nhỏ của thành phố, vừa được vinh dự mang tên một nhà văn hóa: Nguyễn Hiến Lê.

Rộng 12 mét, nằm ở phường 13, quận Tân Bình, vị trí ấy có lẽ do một tiêu chuẩn chọn lựa nào đó, nên con đường không liên quan gì đến mảnh đời của Lộc Đình Nguyễn Hiến Lê khi xưa. Dẫu không phải nằm trong quận 3, không phải ở vị trí thuộc đường Huỳnh Tịnh Của hay hẻm cụt bên đường Kỳ Đồng, hai nơi mà Nguyễn Hiến Lê từng ở và để lại mấy nghìn trang văn tâm huyết, nhưng con đường 340 mét này có lẽ vẫn rất dài trong tấm lòng của nhiều lớp thanh niên hôm qua, hôm nay...

*

⁽¹⁾ Báo SGGP, Thứ Sáu 16-7-1999, tr. 1, đăng tin: UBND Tp.HCM. đã có quyết định số 4010/1999/QĐ-UB-VX ngày 13-7-1999 về việc đặt tên mới cho 142 con đường.

⁽²⁾ Báo SGGP, Thứ Tư 09-6-1999, tr. 3: Tp.HCM đặt tên 152 con đường.



Phố Phất Lộc, sơn dầu của Bùi Xuân Phái.

Nguyễn Hiến Lê viết về con phố nơi ông chào đời: *Đã không có gì đẹp mà lại bẩn thỉu nữa, chỉ có đặc điểm là cổ.* (Hồi Ký, ch. I)

Ông sinh ngày Thứ Hai 08-01-1912, tuy nhiên giấy khai sinh ghi muộn hơn ba tháng. Theo âm lịch, ông sinh ngày 20 tháng 11, nhằm năm Tân Hợi, tháng Tân Sửu, ngày Quý Mùi, giờ Tân Dậu.

Ông chào đời tại nhà số 4, ngõ Phất Lộc, Hà Nội; trong ngõ có đền Phất Lộc. Cái ngõ cùng với ngôi đền này đã đi vào bộ tranh *Phố Phái* bất hủ của danh họa Bùi Xuân Phái (1921-1988), và Nguyễn Hiến Lê, con người cất tiếng khóc chào đời ở khu phố cổ đó, cũng đã đi vào thế giới vĩnh hằng của những danh nhân bất hủ.



Đền Phất Lộc, sơn dầu của Bùi Xuân Phái. Nguyễn Hiến Lê viết: Ngõ có một ngôi đền kiến trúc sơ sài, cửa gỗ luôn luôn đóng, trên cửa là một mái nhỏ với một bầu rượu lớn ở giữa. (Hồi Ký, ch. I).

Sinh ở ngõ Phất Lộc nên ông lấy hiệu Lộc Đình, và bác Ba của ông chỉ gọi ông bằng hiệu Lộc Đình. Người bác này hiệu Phương Khê, lấy theo tên làng Phương Khê, phủ Quảng Oai, tỉnh Sơn Tây, cũng là quê nội, nơi ngôi mộ cụ tổ sáu đời của Hiến Lê đã kết theo kiểu “bút gối sau đầu”. Các thầy địa lý bảo vì vậy con cháu tuy học giỏi nhưng thi cử lận đận. Hư thực thế nào chẳng biết, có điều ông nội Hiến Lê chỉ đỗ tú tài.

Ông Tú có bốn con trai. Con thứ hai tên Cồn, hiệu Đạo Quýnh, học giỏi, không đi thi, làm hương sư dạy học trong làng. Cũng học giỏi mà ghét thi cử còn có người con cả, tên



Ông Bí (1887-1920), hiệu Đặc Như, và bà Nguyễn Thị Sâm (song thân ông Nguyễn Hiến Lê). Ảnh của gia tộc họ Nguyễn.

Nhuận, hiệu Tùng Hương, không chịu lấy vợ, gia nhập phong trào Đông Kinh Nghĩa Thục,⁽³⁾ rồi trốn qua Trung Quốc theo nhà cách mạng Phan Bội Châu (1867-1940), bắt luôn tin tức. Con thứ ba tên Côn, hiệu Phương Khê, văn chương thi phú giỏi, nhưng rớt một khóa thi Hương thì bỏ luôn, gia nhập Đông Kinh Nghĩa Thục, cưới vợ là cô Năm, con gái nhà cách mạng Lương Văn Can (1854-1927), thủ trưởng Nghĩa Thục.

⁽³⁾ Phong trào ra đời vào tháng 3-1907 và chấm dứt vào tháng 11 cùng năm. Để khai dân trí, phong trào mở trường dạy học không thu học phí (nên gọi là *Nghĩa Thục*), tổ chức những cuộc diễn thuyết để truyền bá tư tưởng cải cách xã hội và cổ động quần chúng.

Khi Nghĩa Thục bị thực dân Pháp đàn áp ở Hà Nội, ông Phương Khê thoát vào Nam. Sau này viết sách *Đông Kinh Nghĩa Thục* (1956), Nguyễn Hiến Lê đã không giấu tình cảm của ông đối với hai người bác đáng kính.

Thân phụ Hiến Lê là con út, tên Bí, hiệu Đặc Như, có chút tính nghệ sĩ, ham chơi, học kém hơn các anh, dạy con rất nghiêm khắc. Hiến Lê là trưởng nam, sau ông còn một em trai, hai em gái. Trước ngày Hiến Lê chào đời, ông Đặc Như nằm mộng, thấy cụ già râu tóc bạc phơ, chống gậy đến trao cho quả lê, vì thế đặt tên con là Hiến Lê (hiến tặng quả lê).

Mẹ Hiến Lê tên Sâm, sớm mồ côi cha; mẹ bà làm lược nuôi con. Bà Sâm không biết chữ, rất đảm đang, khéo dạy con. Bà và người anh chồng (ông Phương Khê) đã sớm ảnh hưởng tới sự nghiệp của Nguyễn Hiến Lê rất nhiều.

Hiến Lê lên mười thì cha qua đời ở tuổi ba mươi tư. Hiến Lê đang học lớp dự bị (*préparatoire*) trường Yên Phụ, sức học trung bình. Cảnh nhà khó khăn, mẹ ông đầu tắt mặt tối buôn bán trái cây ở chợ Đồng Xuân (Hà Nội), nhả nãi nuôi bốn con nhỏ dại và mẹ già. Trên tạp chí *Mai* số 29, ngày 10-9-1961, Nguyễn Hiến Lê không giấu giếm cái nghèo của mẹ con ông: *Tôi sinh trong một gia đình nghèo, thường bị họ hàng khinh rẻ, ức hiếp, lắm lúc chúng tôi tủi nhục đến rút nước mắt.*⁽⁴⁾

Thiếu người kèm cặp, Hiến Lê lêu lổng, lưu ban hai năm rưỡi ở lớp dự bị mới lên nổi lớp sơ đẳng. Từ lớp nhì (*cours moyen*) bắt đầu chăm học, rồi đứng đầu lớp nhất (*cours*

⁽⁴⁾ Châu Hải Kỳ, *Nguyễn Hiến Lê: Cuộc Đời Và Tác Phẩm*. Hà Nội: Nxb Văn Học, 1993, tr. 32.

supérieur). Cậu học trò giỏi đó đã vượt qua những ngày đói lạnh ầu thơ như thế nào? Trên tạp chí *Mai*, số 39, ngày 10-02-1962, Nguyễn Hiến Lê tâm sự: *Tôi đã qua cái cảnh, buổi sáng rét căm căm, gió bắc thổi lồng lộng, bạn có hai cái áo mỏng, đi mua một củ khoai lang một trình hoặc một khúc khoai mì một xu rồi đi chân đất dưới mưa phùn để tới trường cách nhà trên hai cây số, ngồi học ba bốn giờ rồi lại đi bộ về nhà. Có lúc đói quá, lạnh quá, không nghe được lời giảng của thầy nữa. Giá hồi đó tôi có thêm một xu mỗi ngày để ăn và vài ba tháng có thêm được vài hào để mua sách ...*⁽⁵⁾

Năm 1925, Nguyễn Hiến Lê thi vô trường Bưởi (*collège du Protectorat*: trường Bảo Hộ), nhưng rớt; năm sau đậu. Học tới đệ tứ niên, thường nhất lớp. Ở trường Bưởi, ông được học với các bậc thầy tên tuổi đáng kính như: Dương Quảng Hàm (1898-1946), tác giả *Việt Nam Văn Học Sử Yếu*, *Việt Nam Thi Văn Hợp Tuyển*; Thẩm Quỳnh, dịch giả *Kinh Thư*; Nguyễn Gia Tường, anh của danh họa Nguyễn Gia Trí...

Lần lượt, Nguyễn Hiến Lê thi đậu Cao Đẳng Tiểu Học (*Diplôme d'Etudes primaires supérieures franco indigène*); thi vào trường Cao Đẳng Công Chánh đậu thủ khoa, được học nội trú và hàng tháng lãnh sáu đồng rưỡi học bổng. Thi tốt nghiệp tháng 6-1934, đậu hạng sáu. Tháng 10, được bổ vào làm việc trong Nam. Sau này, khoảng tháng 02-1944 (tháng Giêng Giáp Thân), ông có trở ra Bắc thi vô ngạch kỹ sư công chánh, nhưng không đậu.

*

⁽⁵⁾ Châu Hải Kỳ, *sách đã dẫn (sdd.)*, tr. 32.

Sở Thủy Lợi ở Long Xuyên giao ông công tác đo mực nước ở miền Tây. Làm xong việc, ông còn rất nhiều thì giờ rảnh. Không biết làm chi cho hết ngày, ông phải tìm đủ mọi sách để đọc, chép nhật ký, viết hồi ký cho đỡ nhớ quê nhà miền Bắc xa xôi. Ông kể:

Cầm bút lúc nào là tâm hồn tôi rung động nhẹ nhàng lúc ấy, như được nghe một bản nhạc êm đềm, bản nhạc của cố hương và dĩ vãng.

Viết hồi ký để ôn lại cái vui đã qua thì viết nhật ký để ghi lại cái vui hiện tại (...).

Tôi cứ nhớ đâu chép đó, viết bừa đi, chẳng cần bố cục, cũng chẳng sửa, viết có khi quên giờ giấc, và đặt cây bút xuống, nhìn lên bờ thì làng xóm đã lờ mờ sau làn sương mỏng.⁽⁶⁾

Đọc sách và viết say mê như vậy vẫn dư thời gian, ông xoay ra tự học chữ Hán. Lúc nhỏ ông được cha dạy vỡ lòng một ít, chừng năm rưỡi. Hè 1928, ông vừa học xong năm thứ nhất trường Bưởi, được mẹ đưa về quê nội ở Phương Khê học chữ Hán với bác Hai. Ông học hai kỳ hè, mỗi kỳ khoảng hai tháng, mỗi ngày được bác kèm cho chừng một giờ.

Cuối đời, khi đã nổi danh là dịch giả uy tín, trong số trên một trăm hai mươi đầu sách, có trên hai mươi công trình giá trị viết riêng về văn, triết, sử Trung Quốc, Nguyễn Hiến Lê không khỏi chạnh lòng nghĩ nhớ đến bà mẹ quê mùa mù chữ của mình: *Ngay năm đầu tôi học trường Bưởi, mẹ tôi đã có một quyết định [cho con học chữ Hán], khiến đời tôi sau này theo một hướng mà chính người và các bác tôi không ai có thể*

⁽⁶⁾ Nguyễn Hiến Lê, *Hồi Ký*. Hà Nội: Nxb Văn Học, 1993, tr. 147.

ngờ được. Ngày nay càng nghĩ lại tôi càng thấy cái công lớn của người và càng không hiểu đã có gì xui khiến cho người nẩy ra quyết định đó. (Hồi Ký, tr. 73)

Tốt nghiệp Cao Đẳng Công Chánh (tháng 6-1934), trong suốt năm tháng chờ được bổ nhiệm công tác, ông tự học chữ Hán chứ không về làng Phương Khê nữa vì bác Hai đã qua đời. Ông kể: *Mỗi ngày, buổi chiều, tôi lại Thư Viện Trung Ương ở đường Trường Thi, mượn bộ Hán Việt Từ Điển của Đào Duy Anh mới xuất bản hai năm trước (1932) rồi bắt đầu từ chữ A, tìm những từ và từ ngữ nào mà tôi đoán là thường dùng mà chưa biết thì tôi chép lại trong một tập vở, mỗi ngày chép độ ba bốn chục từ; tôi lại mượn cuốn Grammaire Chinoise của Cordier cũng chép lại những điều quan trọng. Tôi ở thư viện từ ba đến năm, sáu giờ chiều. Tối hôm đó và sáng hôm sau, tôi học hết những trang ghi đó; rồi chiều lại ra thư viện chép bài học sau. Mỗi tuần tôi nghỉ một ngày để ôn lại những bài trong tuần... (Hồi Ký, tr. 123)*

Sau ba tháng, học được chừng ba ngàn từ, ông mượn được bộ *Tam Quốc Chí* in thạch bản, có lời bình của Kim Thánh Thán (1608-1661). Vì đã biết cốt chuyện rồi, ông đọc không quá khó, lúc đầu chậm, sau quen, và rất thích lời bình của Kim. Đọc vừa xong *Tam Quốc Chí* ông nhận được giấy bổ vào Nam công tác.

Năm 1937 (hay 1938?), ông về Sài Gòn làm việc. Mỗi ngày rảnh được buổi tối và mỗi tuần rảnh được cả ngày Chủ Nhật. Không biết nhậu, ghét đánh bài, chẳng thích đánh cờ, học đàn vài tháng thì bỏ, không ưa tụ tập bạn bè tán gẫu; làm sao cho qua hết giờ nhàn rồi? Chỉ còn cách tự học và đọc sách mà thôi. Ông luôn luôn đọc sách với cây viết chì. Chỗ nào hay,

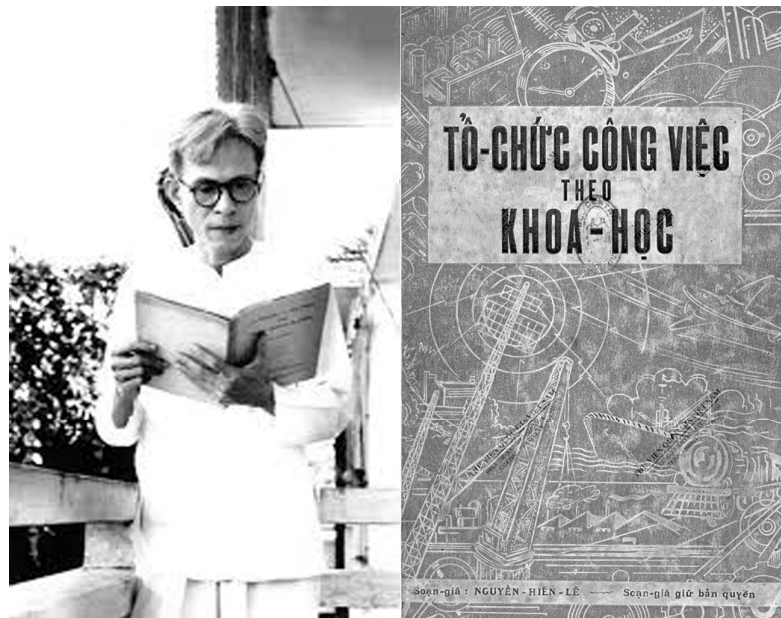
ông đánh dấu + ở lề; chỗ dở, đánh dấu -. Các ý quan trọng thì ghi tóm tắt kèm với số trang; mà ghi ngay ở các trang bỏ trắng ở đầu hay cuối sách (*pages de garde*), giống như làm *index* hay mục lục chi tiết cho riêng ông tham khảo khi cần.

Sau tháng 8-1945, ông bỏ luôn nghề công chức, về làng Tân Thạnh, ở khoảng giữa Hồng Ngự và Cao Lãnh, học đông y và chữ Hán với bác Ba Phương Khê (tháng 10-1945).

*

Năm 1950, nể lời người bạn đã ba lần khẩn khoản mời, ông ra dạy học tại trường trung học công lập Thoại Ngọc Hầu ở Long Xuyên, dạy đủ các môn từ khoa học tới sinh ngữ. Lúc này ông bắt đầu viết sách. Tổ tiên ông hai bên nội ngoại đều không ai viết văn. Bản thân ông lúc đầu lại vào ngành kỹ thuật. Trước năm 1950 ông không có ý định viết sách, không tính tới chuyện sống hoàn toàn bằng nghề văn. Tác phẩm đầu tiên được xuất bản là *Tổ Chức Công Việc Theo Khoa Học* (1950). Dạy ba niên khóa, ông xin thôi và đơn được chấp thuận (tháng 9-1953). Sau này về Sài Gòn, được một số trường mời đến dạy, ông cương quyết từ chối, vì muốn dành hết thời giờ cho việc tự học, biên khảo, dịch thuật, nghiên cứu...

Không làm nhà giáo trên bục giảng, ông vẫn là nhà giáo dục có tâm huyết và lương tri. Một số sách do ông soạn hoặc dịch đã hướng dẫn nhiều người trên đường học vấn, như: *Kim Chỉ Nam Của Học Sinh* (1951); *Luyện Văn I* (1953); *Luyện Văn II* và *Luyện Văn III* (1957); *Tự Học Để Thành Công* (1954); *Bí Quyết Thi Đậu Các Bằng Cấp Trung Học* (1956);



Thầy Nguyễn Hiến Lê lúc dạy tại trường học Thoại Ngọc Hầu (Long Xuyên). Ảnh mượn của: <http://thoaingochau.org>

Bản in 1950, dày 210 trang. Giá bìa 35 Đ. In 2.000 bản tại nhà in Nam Quan, số 60-62 Marchaise, Sài Gòn (nay là đường Kỳ Con).

Muốn Giỏi Toán Hình Học Phẳng (1956); *Muốn Giỏi Toán Đại Số* (1958); *Muốn Giỏi Toán Hình Học Không Gian* (1959), v.v...

Nặng lòng với giáo dục, năm 1962 ông viết loạt năm bài *Cải Tổ Nền Giáo Dục Việt Nam*. Năm 1972, ba bài *Nguy Cơ Xuất Nào* bàn biện pháp giữ nhân tài du học nước ngoài về. Tất cả đều đăng tạp chí *Bách Khoa*. Năm 1961 trên *Bách Khoa*, và năm 1966 trên *Tin Văn*, ông kịch liệt đả kích Bộ Giáo Dục và Viện Đại Học Sài Gòn không chịu dùng tiếng Việt làm

chuyển ngữ ở đại học. Ngoài ra, ông còn hàng trăm đề tài giáo dục khác mà từ đầu những năm 1950 cho tới 1975, đã đăng các tạp chí: *Bách Khoa; Đại Học; Giáo Dục Phổ Thông; Mai; Tân Văn; Tin Văn; Văn; Văn Hóa Nguyệt San*, v.v...

Nguyễn Hiến Lê dịch nhiều thể loại sách, nghiên cứu, khoa học, văn chương... tiếng Pháp, tiếng Anh, và đặc biệt là chữ Hán. Bản dịch tiếng Pháp đầu tay của ông là *Huấn Luyện Tinh Cầm* (1951), nguyên tác của P. Félix Thomas (1853-1920); bản dịch tiếng Anh đầu tay là *Đắc Nhân Tâm* (1951), nguyên tác của Dale Carnegie (1888-1955).

Yêu mến và sành tiếng Việt, giỏi cả Hán, Pháp, Anh, ở cương vị một người dịch, ông quan niệm: *(Tôi nghĩ rằng văn thơ cũng như nhạc, dịch một bài văn, một bài thơ, cũng như diễn một bản nhạc, cũng là làm công việc sáng tạo mặc dầu dịch rất sát không thêm bớt. Dịch giả – nếu có tài – cũng là một nghệ sĩ, và mỗi bản dịch cũng là một nghệ phẩm. Không một bản dịch nào đúng hẳn với nguyên tác; bản dịch nào cũng mang ít nhiều cá tính, tài năng của người dịch, tinh thần của ngôn ngữ người dịch, cũng để lộ tâm tư của người dịch, cái không khí của thời đại người dịch.* (Hồi Ký, tr. 407)

Đầu năm 1971, nhà thơ Bằng Bá Lân (1912-1988) hỏi xem ông đã định gác bút nghỉ viết chưa. Thư ông trả lời: *Viết đều đều trên hai chục năm rồi, tôi muốn nghỉ lắm chứ, nhưng còn chiến tranh thì không thể nghỉ được (...) Còn chiến tranh thì làm sao vui được? Chẳng những việc nước không yên mà việc nhà của chúng ta cũng không yên, không thể quyết định một chút gì trong tương lai cả, ngay đến đời sống của mình cũng không có gì bảo đảm. Sở dĩ tôi phải cặm cụi viết một phần lớn là để tạm quên những ưu tư đó đi.* (Hồi Ký, tr. 376-

377)

*

Đối với Nguyễn Hiến Lê, ngoài ý chí miệt mài học để viết và viết không mệt mỏi để học, thì đọc giả là quan trọng, kỳ dư danh vọng hay thế quyền không hề có chỗ trong tâm tưởng. Chánh quyền Sài Gòn, Ngô Đình Diệm rồi Nguyễn Văn Thiệu, ba lần mời ông làm giám khảo cuộc thi văn chương toàn quốc, mời vào Ủy Ban Dịch Thuật, và Ủy Ban Điển Chế Văn Tự của Bộ Văn Hóa, vào Hội Đồng Giáo Dục Toàn Quốc, ông đều nhất quyết từ khước. Năm 1973, Phủ Quốc Vụ Khanh Đặc Trách Văn Hóa muốn trao tặng ông Giải Tuyên Dương Sự Nghiệp Văn Chương – Học Thuật – Mỹ Thuật, ông cũng từ chối. Mãi mãi ông vẫn giữ đúng vị trí một nhà giáo dục, một nhà văn hóa độc lập, thanh cao, tự trọng. Ông thổ lộ: *Soạn sách, tôi chỉ nhắm mục đích: tự học và giúp người khác tự học. Tôi nghĩ đến cái lợi của độc giả trước hết, chẳng hề tự cho mình có “sứ mạng” gì cả, mà cũng không hề mong được nổi tiếng (...). Có thích vấn đề nào thì tôi mới viết.⁽⁷⁾ Thấy vui trong khi viết, bấy nhiêu đủ cho tôi rồi.* (Hồi Ký, tr. 399)

Ông viết và dịch đủ loại: giáo dục, quản trị, kinh tế, chánh trị, sách học làm người, ngữ học, văn học và lịch sử thế giới, tiểu truyện danh nhân, du ký, hồi ký, bình văn điểm sách... Chẳng riêng những sách và bài báo chuyên khảo về tiếng Việt, đọc văn ông, người ta cảm thấy toát ra lòng yêu mến

⁽⁷⁾ Bác Lê Ngô Châu có hôm bảo tôi: *Anh Lê không viết thì thôi, mà đã viết thì vấn đề gì cũng rõ ràng, sáng sủa. Tôi rất muốn tìm hiểu đạo Phật, cứ nài anh Lê viết sách về Phật Giáo nhưng anh ấy không thích.*

tiếng Việt thiết tha, và sự trân trọng chăm chút để gìn giữ và phát huy tính nhuần nhuyễn, trong sáng của tiếng Việt.

Có lẽ bên cạnh những thể loại đa dạng thì quan trọng hơn hết vẫn là Trung Quốc học (văn chương, lịch sử, triết học). Đây là lãnh vực mà Nguyễn Hiến Lê có nhiều đóng góp ý nghĩa cho nền tảng nghiên cứu Trung Quốc học ở Việt Nam qua hai mươi hai công trình tiêu biểu đã xuất bản như sau: *Chiến Quốc Sách*, dịch chung với Giản Chi (1968); *Cổ Văn Trung Quốc* (1966); *Đại Cương Triết Học Trung Quốc*, hai quyển, viết chung với Giản Chi (1965); *Đại Cương Văn Học Sử Trung Quốc*, ba quyển (1955); *Hàn Phi Tử* (1994); *Kinh Dịch: Đạo Của Người Quân Tử* (1990); *Khổng Tử* (1992); *Lão Tử Đạo Đức Kinh* (1994); *Lịch Sử Văn Minh Trung Quốc*, dịch Will Durant (1997); *Liệt Tử Và Dương Tử* (1972); *Luận Ngữ* (1995); *Mạnh Tử* (1975); *Mặc Học* (1995); *Nhà Giáo Họ Khổng* (1972); *Nhân Sinh Quan Và Thơ Văn Trung Hoa*, dịch Lâm Ngữ Đường (1970); *Nho Giáo: Một Triết Lý Chính Trị* (1958); *Sử Ký Tư Mã Thiên*, dịch chung với Giản Chi (1970); *Sử Trung Quốc* (1982); *Tô Đông Pha* (1970); *Trang Tử Nam Hoa Kinh* (1994); *Tuân Tử* (1994); *Văn Học Trung Quốc Hiện Đại* (1969).

Cho tới năm 1975, ông xuất bản được một trăm tác phẩm. Từ 1975 tới ngày mất, hoàn thành thêm hai mươi hai công trình nữa. Viết khoảng hai trăm năm mươi bài báo, mà khoảng một nửa trong số đó vẫn chưa gom lại in thành sách. Đề tựa cho hai mươi ba tác phẩm về biên khảo, thơ, tùy bút... mà hầu như bài tựa nào cũng được khen là tài tình. Mười chín người vinh dự được ông đề tựa tác phẩm là: Bàng Bá

LN Châu

bg: anh Lê Anh Dũng
87/3 Tris Tris Hoàng
q. Bình Thạnh

23/12
84

Thân gửi: anh Dũng
Bác Lê ít lâu nay bị đau và
đã từ chối 9 giờ đầu hôm qua
22/12, xác định ở nhà nghỉ dưỡng
kỳ đông, vậy xin từ chối nhé.

LN Châu

Phong bì (trên) và thư (dưới)

bác Lê Ngô Châu nhờ một người mang tới Bình Thạnh trao cho tôi
vào trưa Chủ Nhật 23-12-1984. Buổi chiều, tôi mang lễ phẩm,
đạp xe tới 12/3C Kỳ Đồng (quận 3), và lạy trước linh cữu thầy Hiến Lê.

Lân (1912-1988), Châu Hải Kỳ (1920-1993), Cung Duy Độ, Đỗ Hồng Ngọc, Đông Hồ (1906-1969), ba lần cho Đông Xuyên (1903-1994), Hoàng Xuân Việt (1928-2014), Huy Lực, Huỳnh Phan, Lam Giang, Nguyễn Đình Tư, Nguyễn Huy Khánh, Nguyễn Hữu Ngự tức Nguiễn Ngu Í (1921-1979), hai lần cho Nguyễn Hữu Phiếm, Nguyễn Văn Hầu (1922-1995), Phạm Phú Hoài Mai, Toan Ánh (1916-2009), hai lần cho Trần Thúc Linh (1915-1987), Võ Phiến (1925-2015).

*

Dường như thần thoại kể rằng, xưa kia có một loài linh điểu, khi sắp già từ thế gian này, những tiếng hót sau cùng của chim lại là tiếng hót ngọt nhất, hay nhất mà chim dồn hết tinh huyết và thần lực ra thi thố, để tận hiến cuộc đời lần cuối. Những tác phẩm cuối đời của Nguyễn Hiến Lê có lẽ chẳng khác gì tiếng chim linh thần thoại lãng mạn ấy. Thực vậy, trong mười năm sau cùng (1975-1984), sức khỏe ông càng cạn kiệt vì tuổi tác và tật bệnh, thì ngược lại, sách ông viết càng sâu sắc, càng phong phú và giá trị hơn.

Và rồi ông bệnh, mất lúc 9 giờ đêm Thứ Bảy 22-12-1984 tại Sài Gòn, hỏa táng tại Thủ Đức.

Đến nay, hai mươi hai di cảo đã in được hết. Những sách đã in trước 1975 vẫn tiếp tục in lại đều đặn. Một năm có khi hai hay ba nhan đề cùng được ấn hành. Nguyễn Hiến Lê có cái vinh dự được là tác gia của ba thế hệ: thế hệ những người đồng tuổi ông; thế hệ con cái những người đó, kể cả lớp học trò cũ của ông; và thế hệ trẻ hôm nay đang cấp sách ở trung

học, đại học, hay vừa rời ghế giảng đường, tập tễnh bước chân vào chốn trường đời.

Khoảng trước năm 1945, sau khi đọc xong vài bản thảo của ông, bác Ba Phương Khê khen ông có tài viết văn, và hơi chịu ảnh hưởng cổ văn Trung Quốc, rồi tặng ông câu đối:

學本修身, 身即國;
人能拔俗, 俗而仙.

*Học bản tu thân, thân tức quốc;
Nhân năng bạt tục, tục nhi tiên.*

(Học gốc ở tu thân, thân là nước;
Người tư cách bạt tục, tục mà tiên.)

Bản thân Nguyễn Hiến Lê vào khoảng năm 1946 hay 1947 cũng làm câu đối:

治愛書亂愛書, 書中有有;
貧以道富以道, 道外空空.

*Trị ái thư, loạn ái thư, thư trung hữu hữu;
Bần dĩ đạo, phú dĩ đạo, đạo ngoại không không.*

(Trị yêu sách, loạn yêu sách,
trong sách chỉ có cũng có;
Nghèo giữ đạo, giàu giữ đạo,
ngoài đạo thấy thấy đều không.)

Cả hai câu đối đó, găm cho cùng, đều phản ánh rất đúng cốt cách Nho phong, chí hướng bạt tục, cuộc đời giản dị, và sự nghiệp văn hóa không nhỏ của Nguyễn Hiến Lê đối với dân tộc Việt Nam. Suốt cuộc đời cầm bút trong sáng như viên ngọc không chút tì vết, Nguyễn Hiến Lê chưa một lần tự gán

cho bản thân bốn chữ *văn dĩ tải đạo* 文以載道, nhưng đến nay những ai đọc ông có lẽ đều tâm phục và ngưỡng kính nhìn nhận rằng con người ấy quả thực đã hiến trọn đời mình để chở chuyên đạo lý qua từng trang sách.

Đời ông bảy mươi ba năm (tuổi ta), từ ấu thơ cho đến khi quay lưng đi vào cõi vĩnh hằng, đã kinh qua biết bao nổi thăng trầm bi tráng của lịch sử một đất nước chiến tranh ly loạn triền miên. Nhưng ông đã tự chọn cho mình một con đường tu thân, tu đức, trau dồi học vấn không ngừng. Ông miệt mài đem trí tuệ mẫn tiệp, sức học uyên bác, lương tri và tâm huyết... để bằng nghị lực phi thường lướt qua những bệnh tật đeo đẳng tấm thân mảnh khảnh, và đã vượt lên khỏi mọi bả lợi danh câu nử, để cho những dòng chữ lời văn của ông mãi mãi chỉ tinh tuyền là hương thơm vị ngọt và vẻ mỹ miều của một tình yêu quê hương đầm thắm và một lòng nhân ái kín đáo.

Phú Nhuận, 26-10-2018

*(Sau khi xem lại bản in tháng 10-2003,
có chút sửa chữa, thêm vài chi tiết nhỏ nhặt,
và chèn vài ảnh minh họa.)*



Chân dung Nguyễn Hiến Lê

Ảnh của Lê Thanh Thái (bút danh Lê Phương Chi, Thái Tâm Canh)

ĐỌC LẠI THƯ NGƯỜI XƯA

Tôi búi ngùi lần giở xấp thư cũ, giấy viết thư nhiều loại, nhiều cỡ, và còn có các phong bì kèm theo mà nhiều cái vốn được dùng lại (*recycled*), nghĩa là phong bì cũ của người khác gởi tới thì thầy lộn trái để dùng lần nữa. Tôi cũng bắt chước mà lộn trái phong bì cũ để gởi thầy. Đây là một kiểu tiết kiệm dường như khá phổ biến vào thời bao cấp; thỉnh thoảng thư bà con ngoài Bắc gởi vào thăm ba má tôi cũng dùng phong bì cũ lộn trái. Nhưng tôi nghĩ thầy làm thế có lẽ còn để cho khỏi khác lạ với phần đông bá tánh bấy giờ. Một phong bì đẹp, mới tinh nằm lẫn trong số bì thư thô xấu có khác chi con cừu trắng chen giữa đàn cừu đen, dễ gây chú ý không cần thiết, dù nội dung lá thư đựng bên trong rất bình thường.

Ngoài các thư đã dẫn trong bài *Tấm Lòng Một Người Thầy*, tôi sắp xếp lại đây một số thư thầy gởi tôi, theo thứ tự thời gian, và theo nội dung liên quan. Tôi giữ nguyên cách thầy viết ngày tháng, viết tắt, viết hoa, gạch dưới các chữ cần lưu ý, v.v... Khi cần giải thích lời thư của thầy, tôi dùng cước chú hoặc đặt ghi chú của tôi trong dấu ngoặc vuông [. .].

Dẫn lại thư thầy viết mấy năm xưa, tôi hy vọng quý bạn ái mộ Nguyễn Hiến Lê có thêm ít nhiều dữ kiện khách quan để thấy rõ phong cách làm việc chu đáo và cẩn trọng, cảm nhận được lòng nhân hậu kín đáo cũng như đức tin nghĩa sâu dày của một bậc hiền nhân hiếm hoi giữa đời mạt pháp.

1. Thư về vài bản thảo tôi đang viết

1.1. Thứ Ba 03-6-1980, tôi viết thư hỏi thầy một số thuật ngữ hành chánh Nam Kỳ thời Pháp thuộc, vì tôi đang tập tễnh viết tiểu sử tiền khai Ngô Văn Chiêu (1878-1932), và muốn soạn bản song ngữ Việt-Anh.⁽¹⁾

Hồi âm cho tôi, thầy viết:

Saigòn 10.6.80

Cháu Dũng,

Tôi đã về ở hẳn Long Xuyên từ 4/2/80, mặc dầu còn giữ hộ khẩu ở đây, mỗi năm chỉ lên Saigòn vài lần thôi vì xe cộ khó khăn lắm.

Lúc này tôi lên đây trị bệnh trĩ, trị xong rồi, ít bữa nữa tôi về L. Xuyên.

Cháu có viết thư cho tôi thì đề:

Ô. N. H. Lê

92 đường 26 tháng 3

Thị xã Long Xuyên (An Giang)

Ở Bắc và Nam, viên quan cai trị mỗi kì gọi là Résident supérieur.

Cơ quan gọi là Résidence supérieure.

Tỉnh trưởng gọi là Résident chef de province.

Cơ quan gọi là (Bureaux de la) Résidence.

⁽¹⁾ Đã in: *Ngô Văn Chiêu – Người Môn Đệ Cao Đài Đầu Tiên / Ngô Văn Chiêu – the First Caodai Disciple*. Hà Nội: Nxb Tôn Giáo, 2008, 2009, 2012.

Chúc cháu mạnh.

Tự học tấn tới không?

(Chữ ký)

Tôi dùng mực xanh lá cây của nhà máy Hồng Hà sản xuất ở ngoài Bắc,⁽²⁾ viết trên giấy *pelure* tái sinh. Thầy hoàn lại thư, dùng mực bút bi đen ghi phần trả lời đề lên câu hỏi. Chẳng hạn, tôi hỏi: “*Tòa Bó*” hồi ấy tiếng Pháp gọi là gì? Có tương đương với cơ quan hành chánh tỉnh ngày nay không? Thì thầy gạch một lần ngắn bên lề trái thư, sát cạnh câu hỏi, và viết: *Phải*. Rồi thầy gạch dưới hai chữ “*Tòa Bó*”, kéo một lần dài xuống chỗ trống cuối trang giấy, viết: *Inspection*. Tiện cho tôi lắm, mà cũng đỡ công thầy chép lại các câu hỏi.

Bổ túc phần đã giải đáp, khi viết riêng một tờ cỡ A5 để hồi âm, thầy còn chỉ thêm cho tôi bốn từ tiếng Pháp (*Résident, Résidence, v.v...*) ở cuối thư, như dẫn trên.

Trước khi giải thích mấy thuật ngữ hành chánh thời Pháp thuộc, ở lá thư dẫn trên thầy dặn dò: *Cháu có viết thư cho tôi thì đề: Ô. N. H. Lê ...* Tôi đoán chừng rằng thầy là người nổi tiếng, không muốn thư từ bị chú ý, nên bảo tôi viết tắt.

Bởi vậy tôi không lạ khi vào những năm 1980-1984, tôi nhận được ba, bốn phong bì mà ở góc người gởi, thầy chỉ ghi vắn vắn: *Nguyễn*; rồi xuống dòng ghi: *Kỳ Đồng*.

Thậm chí thư Long Xuyên, Thứ Năm 18-8-1983, thầy còn dặn kỹ hơn:

Thư cho tôi đề: Ông Năm – 92 T.Đ.T. L.X. và cháu đừng đề

⁽²⁾ Là văn phòng phẩm mà trường tôi đang dạy phát cho giáo viên.

tên cháu ở ngoài bao thư thì có thể mau tới hơn. Người ta tưởng là thư gởi cho một người bình dân quê mùa nào đó, ít để ý tới.

Như để làm mẫu, chính trên phong bì đựng thư ấy (và chẳng phải là lần duy nhất) thầy chỉ ghi họ tên và địa chỉ của tôi, không ghi họ tên và địa chỉ người gởi. Con dấu của bưu điện Tân Định áp lên bì thư ấy ghi ngày 27-8-83.

Thư Long Xuyên, Chủ Nhật 15-01-1984, thầy xoay ngang tờ *pelure* khổ A5, viết vào lề thêm hai dòng này:

T.B. Thư cho tôi, cháu đề N. H. Lê 12/3C Kỳ Đồng (gởi về Long Xuyên hay mất lắm), rồi khi nào ở đây có người lên trên đó thì đem về cho tôi. Trễ cả tháng, nhưng không sợ mất.

1.2. Thứ Tư 15-02-1984, tôi viết thư hỏi thầy một số từ ngữ vì đang biên soạn *Tìm Hiểu Kinh Cúng Tứ Thời*,⁽³⁾ và *Truyền Thống Tam Giáo Việt Nam* (tập I).

Từ Long Xuyên, Thứ Sáu 23-3-1984, thầy hồi âm, trả lời hết các câu hỏi liên quan tới các câu kinh cúng tứ thời, ghi ý kiến ngay trên thư tôi và hoàn lại. Chẳng hạn:

1.2.1. Về hai câu *Vô vi cư Thái Cực chi tiền / Hữu thủy siêu quần chơn chi thượng*, tôi hỏi: *Hữu thủy nên dịch ra sao?*

Thầy giảng: *Hữu thủy* ⁽⁴⁾ là khi mới có vũ trụ, nói theo Lão thì từ vô sinh hữu, nói theo Dịch thì là từ Vô cực sinh Thái cực. Tôi không tin thuyết đó.

1.2.2. Về câu *Lưu sa tây độ*, tôi hỏi: *Có người giải Lưu Sa là*

⁽³⁾ Đã in tại Nxb Thuận Hóa (Huế: 1995).

⁽⁴⁾ Chữ 始 có hai cách đọc: *thủy, thủy*.

tên đất. Con nghĩ rằng lưu sa là sa mạc, cát bị gió cuốn đi... Vậy lưu sa tây độ là trở việc Lão tử đi về Tây Vực (có sách nói qua sa mạc Gobi) bằng qua miền sa mạc để khuyến giáo. Không hiểu có đúng chăng?

Thầy trả lời: Có thể như vậy. Nhưng các học giả còn ngờ cái việc Lão tử có thật qua Tây Vực không.

1.2.3. Về Pháp hóa tướng tông, tôi hỏi: “Pháp hóa tướng tông” thì con chịu, không giải ra! Pháp (Dharma) thì ám chỉ Đạo, nó vô vi... Phải chăng họ muốn nói Pháp (hay Đạo) nhờ có Lão tử quảng truyền mà thị hiện ra đầy đủ có tông [chỉ], có [hình] tướng để nhờ đó thiên hạ hiểu mà theo học?

Thầy trả lời: Từ Nguyên không có 相宗 [tướng tông], chắc là một danh từ về đạo. Chịu.

1.2.4. Tôi hỏi: Cửu Hoàng là những ai?

Thầy giảng: Từ Nguyên: a/ 9 ông Nhân Hoàng thời 上古 [thượng cổ]; b/ Các ông Hoàng từ Thần Nông trở lên. Thần Nông là ông Hoàng cuối cùng trong Cửu Hoàng.

1.2.5. Tôi hỏi về câu Chưởng thiện quả ư thi thơ chi phổ.

Thầy giảng: Trồng những cây ăn quả ngon trong vườn thi thư. Câu này dễ hiểu, có gì đâu. Khen công của Khổng tử với thi thư.

1.2.6. Về câu Chí như ý từ tường ư ngao trụ, tôi viết: Ngao trụ có người giảng là núi Ngao Trụ (!). Con hiểu ngao trụ là rùa (ba ba) chống chỏi, đỡ nâng; do điển Cộng Công đánh nhau với Chúc Dung làm sập trời, sập đất; Nữ Oa phải rèn đá ngũ sắc vá trời, chắt bốn chân ngao chỏi đất.

Thầy đánh dấu đoạn tôi viết về Nữ Oa, và ghi bên cạnh: Tôi cho thuyết này đúng hơn.

1.2.7. Về câu Ứng mộng bảo sanh, thùy từ mẫn khổ, tôi hỏi: Có người giảng “Ứng mộng bảo sanh” là do tích Khổng tử quá lo việc cứu dân, đêm nằm ngủ mộng thấy Chu công hiện về mách kế, chỉ vẽ sách lược... Con không biết sách đạo Nho quả có chuyện này không? Và có đáng tin không?

Thầy trả lời: Luận ngữ có vài chỗ bảo Khổng tử thường mộng thấy Chu công (vì ông muốn nối nghiệp Chu công, cứu vãn chế độ nhà Chu) nhưng không có chỗ nào bảo Chu công mách kế cho Khổng cả. Không tin được, bỏ đi.

1.2.8. Về câu Vương tân sách phụ, tôi hỏi: Có thể hiểu như vậy chăng: Khổng tử ở vị trí là thượng khách của vua (vương tân), đem tài ra giúp rập cho vua (sách phụ), tham mưu cho vua?

Thầy làm dấu ngay ở lề phải trọn đoạn tôi hỏi, rồi viết bên cạnh: Tôi cũng nghĩ như cháu.

Các thư gửi tôi, thầy thường cho ý kiến dứt khoát, viết ngay bên cạnh câu tôi hỏi: Chịu. Chịu thôi. Hoặc: Tôi không biết. Chấp nhận cách tôi giải, thầy viết: Đồng ý với cháu. Hoặc: Tôi cũng nghĩ như cháu. Lúc phủ nhận thì rất gọn: Không tin được, bỏ đi. Hoặc: Tôi không tin thuyết đó.

Khi trả lời cho tôi như trích dẫn trên đây, thầy đang bệnh nhiều, vậy mà thầy vẫn ân cần viết thêm một thư cho tôi, nói về bản thảo Truyền Thống Tam Giáo Việt Nam (tập I)⁽⁵⁾ tôi

⁽⁵⁾ Bản thảo Truyền Thống Tam Giáo Việt Nam (tập I) đã in với nhan đề Con Đường Tam Giáo Việt Nam Từ Khởi Nguyên Tới Thế

đang soạn, rồi chỉ dẫn cách tra từ điển chữ Hán. Thư thầy như sau:

Long Xuyên 23.3.84

Cháu Dũng thân,

Tôi mới nhận được thư 15.2 của cháu. Đề tài cháu viết đó lí thú đấy: “Truyền thống tam giáo V.N.” Tập II có lẽ lí thú nhất: Vô số tài liệu về Phật Thầy Tây An, về các ông đạo, về Cao Đài, Hòa Hảo, đạo Hiếu Nghĩa ở Thất Sơn v.v... (Có lẽ có cả đạo Minh Sư nữa).

Nhưng tôi tiếc rằng tôi không giúp gì cháu được nhiều đâu. Thú thực tôi mù tịt về Tôn giáo, không hiểu các kinh kệ, lại không biết những từ ngữ của họ. Ngành nào cũng có từ ngữ riêng, mà cháu đã biết lịch sử T.H. là lịch sử một continent [lục địa, đại lục] trong 3.000 năm là ít, các bộ từ điển của T.H. bây giờ thiếu nhiều lắm, muốn cho đủ phải dày bằng hai bộ *Encyclopédie britannique en 24 volumes!* ⁽⁶⁾ Và muốn tra cứu cho kĩ thì phải đọc cái kho Tứ Khố toàn thư ⁽⁷⁾ của họ.

Về V.N., thế kỉ XX, cháu phải tìm mấy ông già có học, theo

Kỷ XIX (Nxb Tổng Hợp TpHCM, 1994). Thay vì soạn tập II, tôi viết lại *Con Đường Tam Giáo Việt Nam* thành *Tam Giáo Việt Nam – Tiền Đề Tư Tưởng Mở Đạo Cao Đài / The Three Teachings of Vietnam as an Ideological Precondition for the Foundation of Caodaism*. Hà Nội: Nxb Tôn Giáo, 2010, 2013; và California: Nxb Tam Giáo Đồng Nguyên, 2010. (Sách song ngữ Việt-Anh.)

⁽⁶⁾ *Bách Khoa Toàn Thư Anh*, hai mươi bốn cuốn.

⁽⁷⁾ *Tứ Khố Toàn Thư* 四庫全書 là bộ bách khoa cổ xưa danh tiếng của Trung Quốc, do hơn ba trăm sáu mươi học giả biên soạn từ năm 1773 đến năm 1782, theo lệnh vua Càn Long (nhà Thanh).

đạo Cao Đài (tôi nhớ 1937-38, có một cuốn nhan đề là *Đạo giáo của một người theo Cao Đài viết, cháu thử tìm trong thư viện xem*); tôi lại tiếc ông bạn của tôi, Nguyễn Văn Hầu,⁽⁸⁾ lúc này chưa thật bình thường, ông ấy có thể biết kha khá về các đạo ở miền Tây, có thể giúp cháu được. Địa chỉ ông ấy ở Chợ Mới (An Giang), ở đó ai cũng biết ông ấy.

Tôi nửa năm nay sức suy nhiều, hay đau lưng: thận thủy và hỏa đều suy. Cháu uống toa nào trị thận thủy suy đó? Phải toa địa hoàng lục vị không? Suốt ngày tôi nằm vông. (Thư này viết trên vông đây.) Mắt lại bị cataracte: tra tự điển T.H. phải ra chỗ thật sáng và dùng loupe,⁽⁹⁾ cho nên ngại lắm, và chỉ giúp cháu được tí ti thôi.

Cháu có bộ Từ Hải hoặc Từ Nguyên không? Nếu không thì phải mua. Nếu có thì cháu đã có thể tra chữ 九皇 [Cửu Hoàng] được rồi! Khi tra một chữ thì nên đọc hết cách đọc và nghĩa của nó (nó có thể có nhiều cách đọc, nhiều nghĩa); khi tra 2, 3 từ đi liền nhau như Cửu Hoàng thì sau khi tra chữ 九 [cửu] rồi, cháu lật coi ở phía dưới, tìm những chữ 2 tiếng xem có Cửu Hoàng không. Có từ ngữ 3-4 tiếng.

Cháu lại nên có cuốn *Hoa Việt thông dụng tự điển của Lạc Thiện* (người Hoa kiều) xuất bản ở Saigon, 1972, do Quốc Thái

⁽⁸⁾ Về nhà văn Nguyễn Văn Hầu (1922-1995), xem: Huệ Khải, *Hành Trạng Tiền Khai Lê Văn Trung* (1876-1934). Hà Nội: Nxb Hồng Đức, 2017, tr. 92-93.

⁽⁹⁾ *cataracte*: Bệnh đục thủy tinh thể.

T.H. tức là Từ Hải 辭海 (nghĩa là biển từ), tên một pho từ điển chữ Hán nổi tiếng của Trung Quốc.

loupe: Kính lúp, kính hội tụ phóng đại dùng để nhìn vật nhỏ.

ấn quán 198 Lý Thái Tổ in. Cuốn đó chỉ có khoảng 5.500 chữ thôi nhưng rất tốt, rất tiện, cháu coi thì sẽ biết.

Thân ái

(Chữ ký)

Thư này Thầy viết trên vông, dùng bút bi, đặc kín tờ A5, nét chữ nhỏ mà đẹp, dễ đọc. Trên đầu thư, ở góc lẽ trái cạnh dòng ngày tháng, Thầy dùng bút chì ghi chú: *Thư này viết ở LX, nhờ người đem lên SG bỏ thùng thư trên đó.*

Đọc thư thầy rồi, chẳng nhớ vì duyên cớ gì khiến tôi quá chậm trễ phúc đáp, quả thật rất đối sái quấy. Từ Long Xuyên, Thứ Hai 30-4-1984, thầy gửi tiếp một thư viết trên mẫu giấy nhỏ khoảng non nửa tờ A5 (trích):

Cháu Dũng thân,

Cách đây hơn một tháng tôi đã trả lời những câu hỏi về chữ Hán trong các sách cháu đọc về tôn giáo. Cháu đã nhận được chưa? Tôi sợ lạc thì mất công cho cháu và cả cho tôi nữa.

Bưu điện ở đâu cũng vậy làm việc lúc này lười thôi lắm. Nếu chỉ tới trễ thì mình còn chịu được. Mất thư thì thật là từ xưa chưa từng thấy! Họ làm ăn ra sao mà mỗi ngày mỗi bớt hơn! (Lại mới được biết họ đánh mất cả điện tín, cả đầu bài thi nữa!)

Mỗi lần nhớ lại lỗi này, tôi rất thẹn. May mà thầy luôn rộng lòng độ lượng.

1.3. Thư Long Xuyên, Thứ Bảy 26-5-1984, khi trả lời chỗ tôi tồn nghi về ý nghĩa chữ *trường* 觴 (chén uống rượu) dùng trong bài *Dâng Trà* khi cúng tứ thời (Đông độ thanh trà mỹ vị

huương / Khẩu đầu cung hiến chước hồ trường), thầy viết trên hai mặt tờ *pelure* khổ A5 (trích):

Cháu Dũng thân,

Về chữ 觴 [trường] đó, từ điển T.H. giải nghĩa là tên chỉ chung các đồ (chén) đựng rượu thời xưa.

Tiếng đó cổ quá rồi, tôi chỉ gặp nó mỗi một lần trong 1 bài thơ đời Đường.

Trong bài kinh của cháu (viết thời nào?) người ta không đựng rượu mà đựng trà thì cũng có thể dùng chữ đó được vì nó là thơ, cần vắn. Nhưng cháu muốn tồn nghi thì cứ tồn nghi.

2. Thư về thuật ngữ triết Trung

2.1. Cuối năm 1982, tôi viết thư hỏi thầy về cách dịch một số thuật ngữ triết Trung thầy dùng trong bộ *Đại Cương Triết Học Trung Quốc*, hai quyển, viết chung với cụ Giản Chi (Sài Gòn: Nxb Cảo Thơm, 1965). Thầy hồi âm, dùng tờ giấy *fort* màu vàng chanh khổ A5, ở góc trái phía trên có in sẵn họ tên và địa chỉ nhà ở Kỳ Đồng; thầy ghi đề lên nó địa chỉ ở Long Xuyên dù viết ở Sài Gòn. Thư ấy viết kín hai mặt giấy.

Kỳ Đồng 16.1.83

Cháu Lê Anh Dũng thân,

Thư của cháu một tháng mới tới tôi. Nó đi lòng vòng: tới Kỳ Đồng, người nhà gửi theo về Long Xuyên cho tôi, tới LX. thì tôi đã lên Saigon rồi; ở LX. người nhà đợi có người quen đi Saigon, nhờ đem lên cho tôi, và tôi nhận nó được ở đây 2 ngày nay. Tôi ở đây đã trên nửa tháng rồi, lại sắp về LX., trả lời ngay cho cháu; để tới LX. rồi mới trả lời thì có khi cả tháng

sau cháu mới nhận được. Thư bây giờ đi kì cục lắm: lúc thì một tuần, lúc thì cả tháng, cả 2 tháng mới tới L.X.

- Trung Triết, Ấn Triết với Tây Triết khác hẳn nhau, mỗi Triết có những quan niệm, ý niệm riêng, từ ngữ riêng, không équivalent với Triết khác, nên không thể dịch được.

Vũ trụ luận đúng là cosmologie như cháu nói. Bản căn luận có sách dịch là ontologie. Đại hóa luận, Tây Triết hình như không có, tôi chưa thấy người nào dịch. Cháu muốn dịch thì cứ theo nghĩa mà dịch: Grande transformation dans l'univers.

Pháp tượng luận cũng vậy, không có équivalent trong tiếng Anh, Pháp, cũng lại cứ theo nghĩa: sự vật và hiện tượng trong vũ trụ: éléments essentiels constituant les êtres, choses et phénomènes dans l'univers.⁽¹⁰⁾

- Tôi cho luận nghĩa hơi khác quan.⁽¹¹⁾ Quan = conception. Luận = essai, dissertation, hypothèses...

Quan niệm = chỉ đưa ra một ý kiến thôi, không nhất định nó phải đúng, mỗi người mỗi phái có một ý kiến.

Luận, cao hơn, rộng hơn, muốn tìm chân lí, tìm một luật chi phối (vũ trụ chẳng hạn).⁽¹²⁾

⁽¹⁰⁾ Sau này, khi soạn các bản tiếng Anh về lịch sử và giáo lý đạo Cao Đài, tôi áp dụng lời khuyên của thầy: Hễ tiếng Anh không có sẵn từ tương đương, hoặc có người dịch rồi mà tôi không ưng, thì tôi cứ theo nghĩa mà dịch.

⁽¹¹⁾ Nhiều sách thường viết là vũ trụ quan, nhân sinh quan mà trong bộ sách triết Trung thì thầy viết là vũ trụ luận, nhân sinh luận, nên tôi viết thư hỏi.

⁽¹²⁾ Những năm 1980, sinh hoạt ở Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Cao Đài Giáo Việt Nam, khi bắt đầu khai thác một số thánh giáo dạy

- Thế giới ngày mai và tương lai nhân loại,⁽¹³⁾ tôi dịch theo bản tiếng Pháp. Bản dịch của tôi để ở L.X. Cháu đã có bản tiếng Anh thì khỏi phải coi bản tôi dịch. Muốn kiểm bản tôi dịch thì lại sạp sách cũ số 72, đường Calmette rẽ vô (chợ sách cũ) nhờ người ta tìm cho, chỗ đó quen tôi.

Tôi không nhớ trong cuốn đó Russell có đề cập đến cái gọi là bổ túc Đông Tây, kiểu tổng hợp Tâm-Vật không, chỉ nhớ Russell rất khen dân tộc T.H. trọng triết lí hơn tôn giáo – (“dân tộc” đó phải hiểu là kẻ sĩ T.H. chứ không phải bình dân) – và trọng văn hơn võ. Có lẽ vì vậy mà người ta cho T.H. là bổ túc được phương Tây chẳng?

- Tôi không biết người T.H. gọi lối chú thích in làm 2 hàng chữ nhỏ đó là gì. Doubled column có lẽ là do Liu-Tsun Yuan đặt ra chứ không phải dịch.⁽¹⁴⁾

Từ khi bác sĩ Thọ qua Pháp,⁽¹⁵⁾ cháu có được tin tức gì của ông không? Ở Paris? Vui vẻ, mạnh khỏe? Có làm nghề y sĩ nữa không?

về nhân bản và từ cách thầy giảng chữ luận như dẫn trên, tôi mạnh dạn gọi là Nhân Bản Luận Cao Đài (Caodai Humanism), một thuật ngữ chưa thấy dùng trong thánh giáo.

⁽¹³⁾ Bản dịch in ở Sài Gòn năm 1971. Nguyên tác của Bertrand Russell (1872-1970), giải Nobel Văn Chương 1950.

⁽¹⁴⁾ Được thầy Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ cho mượn, tôi đã chép lại trọn một bài nghiên cứu về lịch sử kết tập Đạo Tạng của giáo sư Liu-Tsun Yuan, viết bằng tiếng Anh. Tôi không hiểu doubled column trong kinh sách chữ Hán gọi là gì nên hỏi thầy Hiến Lê.

⁽¹⁵⁾ Vì trong thư tôi nhắc tới thầy Nhân Tử nên thầy Hiến Lê hỏi thăm. Thật ra thầy cô Nguyễn Văn Thọ định cư ở bang California (Mỹ) từ năm 1982.

Cũng gần Tết rồi, tôi chúc cháu mạnh khỏe, vui vẻ, biết thêm được nhiều. Tôi còn lâu mới lại lên SG.

(Chữ ký)

2.2. Thứ Ba 12-7-1983, tôi viết thư về Long Xuyên. Thứ Năm 18-8-1983, thầy hồi âm, viết hết hai mặt một tờ chiếc giấy tập vở học trò, rồi xoay ngang viết kín luôn hai bên lề. Thứ Bảy 27-8-1983, thư Long Xuyên tới Bình Thạnh (trích):

Cháu Lê Anh Dũng,

Thư 12.7.83 của cháu mất một tháng mới tới tôi (!) cùng một lúc với 6-7 thư khác. Hình như họ dồn thư lại, một tháng chỉ phát một hai lần thôi, chứ không phát hằng ngày như trước. Vì vậy tôi phải trả lời một lúc non chục bức thư.

Thời tiết mùa mưa này ở Long Xuyên (miền ngập nước) không tốt đâu. Nhà nào cũng có người đau. Tôi một tháng nay đau nhiều bệnh vặt, cứ vài ngày ăn cơm lại vài ngày ăn cháo và ngày nào cũng uống thuốc.

Tôi trả lời ngay về 7 cuốn sách cháu tìm để tham khảo: Tôi và các bạn tôi không ai có những cuốn đó đâu. Máy ra thì ông Nguyễn Đăng Thục có được, mà tôi chỉ biết danh chứ không tiếp xúc với ông ấy lần nào cả. Hình như lúc này ông ấy làm cho thư viện Phật học của trường Đại học Vạn Hạnh cũ (đã dẹp rồi). Thư viện đó ở đâu miền Phú Nhuận.

(...)

*Pháp trị thì người Pháp đã dịch là *légisme*.⁽¹⁶⁾ Còn nhân trị*

⁽¹⁶⁾ Trong thư Bình Thạnh ngày 12-7-1983 tôi hỏi về hai thuật ngữ *pháp trị* và *nhân trị*.

*(人治) thì chưa ai dịch. Đó cũng là một quan niệm của phương Đông: trị nước thì con người (vua, quan) quan trọng hơn là hiến pháp, pháp luật. Nhân trị cũng gần đồng nghĩa với 仁治 [nhân trị], với 王道 [vương đạo]. Vương đạo đã có người dịch là *voie royale* rồi, 仁治 [nhân trị] tôi cũng chưa thấy ai dịch. Cứ theo lối cấu tạo của từ *légisme* thì 人治 [nhân trị] có thể dịch là *humanisme* được, nhưng *humanisme* đã có nghĩa khác rồi (chủ nghĩa nhân bản) nên phải bỏ. Dịch càn nó là *gouvernement par l'homme, par la vertu* để đối với *gouvernement par la loi (légisme)* thì tạm ổn.*

Trong thư dẫn trên thầy nhắc tên cụ Nguyễn Đăng Thục (1909-1999). Cụ Thục có mối giao tình nhiều năm với Hội Thánh Truyền Giáo Cao Đài. Tiền bối Bạch Tuyết, thế danh Lê Ngọc Trang (1918-1986),⁽¹⁷⁾ ở Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Cao Đài Giáo Việt Nam lại quen biết cả cụ ông và cụ bà, do đó tôi cậy tiền bối Bạch Tuyết đưa tới nhà cụ trên đường Nguyễn Huỳnh Đức ở Phú Nhuận ⁽¹⁸⁾ giới thiệu để tôi có thể thỉnh thoảng lui tới mượn sách.

Tôi biên thư kể vắn tắt việc đến nhà cụ Thục, nói sơ qua tình trạng sức khỏe của cụ. Bởi thế, Thứ Ba 01-10-1983, từ Long Xuyên thầy hồi âm (trích):

Mừng cho cháu đã được ông Thục cho mượn 2 cuốn. Tôi không ngờ ông Thục đã rất yếu rồi. Năm nay ông bao nhiêu tuổi? Mất thấy lờ mờ thì không đọc sách được. Học giả mà không đọc sách được thì không gì buồn bằng.

⁽¹⁷⁾ Tiền bối Bạch Tuyết đặc quã Quán Pháp Chơn Tiên (1986).

⁽¹⁸⁾ Theo Nguyễn Đình Tư: Từ ngày 04-4-1985 đổi tên là đường Huỳnh Văn Bánh.

Mắt tôi năm nay cũng bắt đầu kém. Sức khỏe thì kém từ mấy năm trước rồi, bây giờ suy hơn.

Chúc cháu bình an.

(Chữ ký)

Cũng từ đó, mỗi khi tôi đến thăm thầy ở Kỳ Đồng vào buổi chiều, thầy hay hỏi thăm về cụ Thục và bác sĩ Thọ, hai học giả thầy chưa từng tiếp xúc.

3. Thư về bộ *Sử Trung Quốc*

3.1. Thứ Ba 12-7-1983, tôi viết thư về Long Xuyên. Thứ Bảy 27-8-1983, thư thầy hồi âm tới Bình Thạnh (trích):

Long Xuyên 18.8.83

Cháu Lê Anh Dũng,

(...)

Bộ *Sử TQ* của tôi là thông sử (từ thượng cổ tới giờ) như cuốn của ô. Phan Khoang. *Sử TQ* dài lắm 3000 năm, *TQ* rộng lắm bằng cả châu Âu, tín sử của họ có rất sớm từ 8 thế kỷ trước tây lịch. Như vậy mà nhét vào 500 trang như ông Ph Kh hoặc 700 trang như tôi, hoặc 1000-2000 trang như vài bộ sử cho các trường đại học *TQ* dùng, thì cũng chỉ là rất sơ sài; cháu không có thể dùng bộ của tôi để nghiên cứu được, may lắm là dùng được nó làm *points de repère* ⁽¹⁹⁾ thôi. Phải đọc các bộ chuyên đề sử chẳng hạn của Marcel Granet, Henri Maspéro thì mới hiểu thêm được vấn đề cháu muốn nghiên cứu. Tôi chưa được đọc *Taoist Movement* và *Historical Value...* Cháu kiếm được nhiều sách quý đấy.

⁽¹⁹⁾ *points de repère*: Các điểm mốc.

Bộ *Sử TQ* của tôi, vài bạn già đọc rồi, cũng thích. Tôi gửi lên đây cho cháu. Tôi hỏi họ xem có ai muốn có 1 bản thì góp *pelure* và *ruban* với cháu, nhờ cháu đánh cho một bản.

(...)

Thân ái

(Chữ ký)

Tái bút

Tôi gửi thêm cho cháu hai tập I và II *Sử TQ* của tôi (tập cuối III về thời hiện đại từ cách mạng Tân Hợi 1911 tới nay, không cần thiết cho cháu, nên tôi không gửi lên, nó dày 200 trang).

Cháu lại ông Lê Ngô Châu 160 Nguyễn Đình Chiểu mà lấy với hai cuốn *Les religions chinoises* và *Le Taoisme* của H. Maspéro. Tôi đã dặn ông ấy rồi.⁽²⁰⁾

Nếu cháu đánh máy thì sẽ đánh nhiều lắm là được mấy bản?

Cháu muốn giữ bản viết tay của tôi thì giữ, rồi đánh bù cho tôi một bản bằng *pelure*.

Có thể một hai người bạn của tôi cũng muốn có, cháu đánh giúp họ được không? Điều kiện ra sao, cháu cho họ biết: góp giấy *pelure*, carbone v.v...

⁽²⁰⁾ Phần tái bút này thầy viết thêm trên tờ *pelure* cắt đôi, nên lặp lại lời dặn dò đã ghi trên tờ giấy khác: Tôi đã gửi ông Lê Ngô Châu – báo Bách Khoa cũ – ở 160 Nguyễn Đình Chiểu, 2 cuốn *Les religions chinoises* và *Le Taoisme* của H. Maspéro. Cháu đem thư này lại, khoảng 9 giờ sáng hoặc 15 giờ chiều, ông ấy đưa cho. Do nhân duyên này tôi gặp bác Lê Ngô Châu lần đầu tiên.

3.2. Thư Long Xuyên, Thứ Ba 01-10-1983, thầy viết (trích):

Cháu Dũng,

Tôi mới được thư của cháu, mất nửa tháng, mau đấy.

(...) Chừng hai tháng nữa tôi lên.

Bộ Sử T.Q. tôi không cần gấp, mà tôi cũng không cần thêm một bản, nếu cháu muốn giữ bản của tôi thì đánh máy một bản (giấy pelure tốt) để đưa tôi; nếu không cần giữ bản của tôi thì chẳng cần phải đánh thêm.

3.3. Bấy giờ trong nước chưa có máy photocopy tân tiến. Tôi nhận đánh máy *Sử Trung Quốc* (tập I và II) của thầy (không đánh tập III), vừa để một vài thân hữu của thầy vừa để tôi có được bản thảo này. Trong lúc đánh máy, thỉnh thoảng tôi nhặt ra một vài lỗi nhỏ nhặt hoặc mạo muội góp ý. Tôi ghi dần các điều ấy vào từng mẫu giấy nhỏ, đợi thuận tiện thì viết thư gửi thầy, kèm theo các mẫu ghi chép đó.

Thứ Bảy 28-01-1984, trả lời những nhận xét và ý kiến của tôi về bản thảo *Sử Trung Quốc*, thầy viết (trích):

Những nhận xét và góp ý của cháu về bộ Sử Trung Quốc đều đúng hết.

Tôi đã sơ suất, cháu sửa giùm tôi (...). Tôi đã sửa ngay trên bản I của tôi rồi. Phải có người thân đọc thật kỹ tác phẩm của mình mới vạch lỗi cho mình được. Chính mình đọc lại thì ít khi thấy lắm; mà bạn thân đọc qua thì cũng khó nhận ra được. Công phu nhất là những chỗ cháu muốn chú thích thêm cho rõ. Điều đúng cả, thú vị nữa, tôi sẽ ghim tất cả những tờ giấy cháu viết vào bản I của tôi, chưa có thời giờ để thêm vô được.

Thầy muốn khuyến khích tôi hơn nên lại viết:

Tôi sinh sau các cụ trong Nam phong như Phan Kế Bính, Nguyễn Hữu Tiến... đọc được nhiều sách mới hơn các cụ đó, nên viết về văn học, triết học Trung Quốc kỹ hơn các cụ. Cháu lại thuộc lớp sau nữa, đọc được nhiều sách hơn nữa, có thể đi sâu vào một vài vấn đề nào đó được. Cứ mỗi đời tiến hơn đời trước một chút.

3.4. Thư Long Xuyên, Thứ Hai 30-4-1984, thầy viết trên mẫu giấy nhỏ khoảng non nửa tờ A5 (trích):

Cháu Dũng thân,

(...)

Sử Trung Quốc cháu đánh máy được bao nhiêu trang rồi? Bao giờ thì xong?

Khoảng 15.6 tôi sẽ lên trên đó 1 tháng. Chắc lúc đó xong chứ?

Chúc cháu an khang.

(Chữ ký)

Tôi đánh máy chậm vì còn phải đi dạy, và vì hay nghỉ tay, khi bản thảo cuốn hút, để đọc luôn một mạch nhiều trang.

Bản thảo (21x27cm) thầy viết bằng bút bi trên tờ *pelure* thứ nhất (bản chánh), bản thứ hai cũng dùng giấy *pelure*, bản thứ ba đặt dưới cùng là tờ *duplicateur* dày, ở giữa lót hai tờ giấy than. Khi viết thầy phải đè mạnh tay. Giấy không kẻ hàng mà dòng chữ luôn ngay ngắn, nét chữ sắc sảo. Các bản đồ thầy vẽ tay nét rắn rỏi và đẹp. Bản thứ ba (giấy *duplicateur*) thầy giao cho tôi dùng đánh máy đọc vẫn rõ.

Thỉnh thoảng gặp các chữ Hán, khi đánh máy tôi phải nhẩm chừng khoảng cách mà chừa chỗ trống trên giấy; đánh máy xong rồi thì dùng bút bi viết chèn chữ Hán lần lượt vào từng tờ *pelure*.

Thầy dùng giấy than màu xanh dương. Khi cần sửa chữa, bỏ tấc thì lấy bút bi viết đè lên; như thế thầy phải sửa tất cả ba lần trên ba bản thảo.

Đọc các bản thảo viết tay của thầy rất thích. Một, là vì các trang thủ bút đẹp mắt. Hai, quan trọng hơn, là qua các bản thảo ấy tôi suy ra thầy không viết nháp, cứ nghĩ xong câu văn thì viết ngay ra giấy, cho nên thỉnh thoảng lại gặp vài chữ bị gạch bỏ. Có khi là cả một đoạn ngắn. Nếu viết xong rồi mà muốn thay hay bỏ tấc một đoạn dài, thầy viết phần thay thế hay bổ khuyết ấy ra mẫu giấy khác rồi dán vào lề, ngang chỗ cần điều chỉnh.

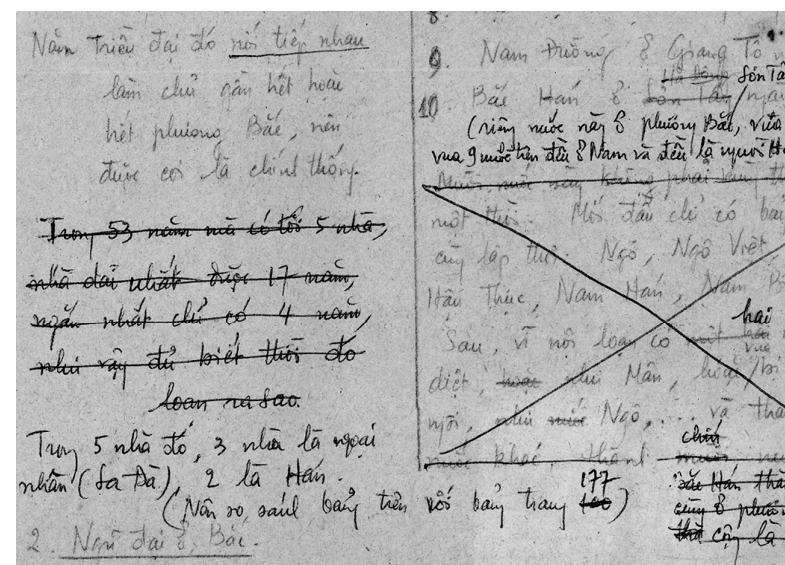
Đang đánh máy mà gặp những chỗ sửa chữa trên bản thảo tôi thường dừng tay gõ phím, chú ý so sánh câu chữ thầy xóa với phần viết lại để tìm hiểu lý do. Nhờ vậy tôi nhận ra được cách thầy chọn từ, hoặc thay đổi cách diễn đạt ý tưởng. Lắm khi một chữ chưa viết tròn đủ thì thầy liền gạch bỏ, thay chữ khác liền. Tôi đoán, khi viết thầy suy nghĩ rất nhanh nên mới đổi ý nửa chừng mau như vậy.

Thư cho tôi thầy cũng hay gạch bỏ, thay chữ giống như thế. Chẳng hạn, thư Sài Gòn, Thứ Ba 26-8-1975, thầy viết: *Cứ tiếp tục, sau này cháu sẽ giúp được nhiều về loại đó*. Rồi thầy gạch *loại*, viết chệch lên trên là *khu vực*.

Hoặc thư Long Xuyên, Thứ Năm 18-8-1983, mở đầu đoạn thứ hai, thầy vừa viết *Khí hậu* thì liền gạch *Khí hậu* và viết

luôn câu: *Thời tiết mùa mưa này ở Long Xuyên (miền ngập nước) không tốt đâu*. Hoặc ở đoạn khác trong thư này, thầy đang viết *Đó cũng là một từ ngữ* thì liền gạch *từ ngữ* và viết tiếp: *quan niệm của phương Đông: trị nước thì con người (vua, quan) quan trọng hơn là hiến pháp, pháp luật*. Hoặc ở đoạn khác nữa, cũng vẫn thư này, thầy đã viết *TQ rộng lắm bằng cả châu Âu, tín sử của họ có rất sớm từ 800 năm trước tây lịch* thì lại gạch *800 năm*, và viết chệch lên trên đó hai chữ *thế kỷ*, tức sửa lại là *8 thế kỷ*.

Tôi in lại đây nửa trang bản thảo *Sử Trung Quốc* có nhiều chỗ thầy sửa chữa. Những dòng chữ mờ mờ là bởi màu xanh dương của giấy than không thể quét (*scan*) rõ nét. Những dòng chữ đậm là nhờ viết bằng mực bút bi màu đen.



Một nửa trang bản thảo *Sử Trung Quốc* của Nguyễn Hiến Lê

Tôi không có bản viết tay Sử Trung Quốc. Trên đây là một tờ rời thầy loại ra; tôi thấy hay hay nên lưu giữ bấy lâu nay.

3.5. Trả lời vài chỗ thỉnh thoảng tôi bạo gan góp ý trong lúc đang đánh máy bản thảo Sử Trung Quốc, thư Long Xuyên, Thứ Bảy 26-5-1984, thầy viết:

Cháu Dũng thân,

(...)

Lúc này sức tôi yếu nhiều (huyết áp chỉ còn 11/6), ngại không muốn làm gì cả.

Những chỗ cháu báo nên bổ túc hay sửa, vì số trang chênh lệch nhau, nên không chắc tôi có sức sửa lại đâu, cứ dán những ghi chú của cháu vào bản thảo rồi người sau có ai đọc, sửa được thì sửa. Một rồi!

Bản thảo Sử Trung Quốc đánh máy xong vào đầu tháng 8-1984. Bác Lê Ngộ Châu viết thư, nhờ người mang đến nhà tôi ở Bình Thạnh. Không hiểu sao trong phong bì lại là hai mẫu giấy nhỏ, ghi cùng một ngày:

4/8/84

Thân gửi: Anh Dũng

Rất mừng đã nhận được 2 bộ (4 tập) Sử T.Q. anh đánh máy công phu quá. Cảm ơn anh rất nhiều.

Tuần tới này nếu anh ghé qua tôi được vào sáng hoặc 3 giờ chiều, để chúng ta hội ý với nhau thì hay lắm. Chúc anh vui mạnh.

(Chữ ký)

Và mẫu dưới đây có nội dung chẳng mấy khác:

4/8/84

Thân gửi: Anh Dũng

Tôi đã nhận được hai bộ (4 tập) Sử T.Q., anh đã đánh máy và đóng lại rất công phu. Cảm ơn anh rất nhiều.

Mong sẽ gặp anh để nói chuyện nhiều hơn. Nếu anh tới tôi, xin đến vào 9 giờ sáng hoặc 3 giờ chiều tôi để có nhà hơn.

Chúc anh vui mạnh.

(Chữ ký)

L N Châu

Từ đó bác Châu tỏ lòng mến tôi. Khi thầy Hiến Lê tạ thế rồi, những năm làm việc ở trường Đại Học Kinh Tế (gần nhà bác) tôi thường ghé chơi, thỉnh thoảng được nghe bác nhắc mấy kỷ niệm với thầy, thời bác làm bán nguyệt san Bách Khoa.

3.6. Thư Kỳ Đồng, Thứ Hai 20-8-1984, thầy nhờ cô mang tới nhà tôi ở Bình Thạnh. Thư viết:

Cháu Dũng thân,

Tôi gửi theo đây 200đ ông Lê Ngộ Châu nhờ tôi đưa cho cháu để trả tiền giấy và tiền bìa 2 bộ Sử T.Q. cháu đánh máy giùm. Năm ngoái ông ấy đã đưa 200đ, nay thấy không đủ, đưa thêm.

Ông ấy đã nhờ một người calquer những bản đồ trong bản viết tay của tôi, rồi vẽ lại làm 2 bản cho hai bộ Sử đó rồi.⁽²¹⁾

⁽²¹⁾ Tôi mắt kém, có một số bản đồ khá tỉ mỉ, tôi ngại quá nên xin thầy tạm chữa lại. Tôi chỉ “can” theo các bản đồ nét vẽ đơn giản.

Đẹp lắm, cháu đánh máy rất kĩ mà đóng rất có nghệ thuật, không luộm thuộm như tôi.

Tôi đã viết thêm mười hàng để thêm vô cuối tr. 427. Tôi gửi cháu 3 bản để dán vào 3 bộ của cháu.

(Chữ ký)

Rồi thầy xoay ngang mẫu giấy *pelure* nhỏ viết thư ấy, viết ba dòng chen vào lề trái, ở góc trên như sau:

Cháu cứ tính giá giấy (900 trang) với giá bìa (4 cái) mà nhận tiền, đừng để cháu thiệt, như vậy là được.

Nhờ đánh máy hai trong ba tập bản thảo *Sử Trung Quốc*, tôi được dịp xem kỹ thủ bản của thầy. Ngoài ra, tôi hữu duyên còn được thầy cho mượn đọc *Đời Viết Văn Của Tôi*, là một bản giấy *pelure* A4 lót giấy than, viết tay, đọc rất thích.

Thầy tặng tôi bản thảo *Sử Trung Quốc* (tập I và II) lót giấy than trên giấy *duplicateur*. Vì đã có bản đánh máy rồi nên tôi từ tạ. Thầy chẳng nói gì, nhưng không nhận hai bản đánh máy tôi biếu. Ít lâu sau thầy tặng tôi trọn bộ bản thảo *Kinh Dịch* (hai tập) viết tay trên giấy *pelure* A4, nét chữ giấy than hơi mờ nhưng vẫn đọc được. Tôi đoán là bản thứ ba.

Mỗi tập bản thảo *Kinh Dịch* thầy lấy tờ giấy xanh xám làm bìa, loại giấy các văn phòng hay gấp đôi để làm bìa đựng hồ sơ (*dossier*), nên cũng gọi là giấy *dossier*. Loại giấy này chẳng dày lắm, cũng không được dai bền. Rồi thầy dùi ba lỗ và khâu chỉ ôm lấy gáy, trông khá giống kiểu sách Tàu ngày xưa.

Trên bìa tập I thầy dùng bút chì đen ghi ba dòng: NGUYỄN HIẾN LÊ / KINH DỊCH / I. Trên bìa tập II cũng viết giống vậy.

Riêng tập I, ở trang ruột đầu tiên (*page de garde*),⁽²²⁾ bên dưới tên NGUYỄN HIẾN LÊ, thầy ghi ba dòng:

KINH DỊCH
~~ĐẠO CỦA NGƯỜI QUÂN TỬ~~
TỔNG HỢP TRUNG TRIẾT THỜI TIỀN TẦN

Như vậy, thầy đã sửa nhan đề. Năm 1992, sách được in lần đầu, không hiểu vì sao lại dùng năm chữ thầy gạch bỏ.

4. Thư về bộ *Kinh Dịch*

4.1. Thứ Ba 12-7-1983, tôi viết thư về Long Xuyên. Thứ Năm 18-8-1983 thầy hồi âm. Chín ngày sau bưu điện phát cho tôi tại Bình Thạnh. Vì đã viết hết cả hai mặt một tờ giấy chiếc cắt ra từ tập vở học trò, thầy xoay ngang tờ giấy, viết kín luôn hai bên lề như sau:

Bộ Kinh Dịch của tôi 400 trang, các bạn ấy [các bạn già] cũng thích, có người đã đánh máy 6 bản, và cho bạn hết rồi; nay lại có người nữa muốn có 1 bản, nếu cháu muốn đánh máy thì tôi cũng cho mượn. Bản thảo tôi đều để ở đây. Ngại đem lên Sài Gòn lắm vì nặng, mà tôi yếu rồi, để chờ cơ hội mới được. Thân ái. (Chữ ký)

4.2. Thư Long Xuyên, Thứ Bảy 01-10-1983, thầy viết (trích):

Cháu Dũng,

(...)

Tôi lại hỏi cháu tôi còn cuốn Kinh Dịch 400 trang, mấy bạn

⁽²²⁾ Nhà in thường gọi là *tờ gác*. Qua tập II tờ gác chỉ là một tờ *pelure* để trống; tờ tiếp theo là quẻ 21: Hỏa Lôi Phệ Hạp.

xin đánh máy để giữ lại, vì cuốn đó đầy đủ, sáng sủa nhất. Nếu cháu muốn đánh máy thì tôi cũng sẽ cho mượn.

Lúc ấy tôi đánh máy bộ Sử Trung Quốc chưa xong, nên không thể nhận lời đánh máy bộ Kinh Dịch.

Trước khi đánh máy bộ Sử, tôi cất công đi lùng được mấy rames giấy *pelure* tuy vẫn là thứ tái sinh, không dai lắm, nhưng được tẩy rất trắng. Mừng hơn cả là mua chợ đen được vài hộp băng mực máy đánh chữ (*ribbons*) mới tinh của nước ngoài và nguyên cả hộp giấy than hiệu *Kores* danh tiếng của nước Áo, giấy đã mỏng mà còn dùng được nhiều lần hơn hàng nội. Tất cả đều là hàng hiếm, sót lại sau năm 1975; bởi thế, giá cả không thành vấn đề.

Tôi mượn máy chữ xách tay (*portable*) của ba tôi, kiểu chữ *elite*, mỗi 2,54cm chứa được 12 ký tự (*characters*). Giá như có máy chữ để bàn (*desktop*), kiểu chữ *pica*, mỗi 2,54cm chứa được 10 ký tự, thì cỡ chữ to hơn, bản giấy than dễ đọc hơn. Bởi dùng kiểu chữ *elite*, muốn cho bản đầu tiên và các bản giấy than rõ nét, tôi phải siêng thay băng mực (*ribbons*) cũng như thay giấy than, và phải gõ rất mạnh tay. Càng gõ nhiều càng mau ran ngực, đau hết mấy ngón tay.

Đánh máy ra nhiều tờ thì tờ đầu tiên lại kém đẹp hơn tờ thứ hai, vì gõ mạnh bàn phím, con chữ mổ vào giấy *pelure* dễ hằn qua mặt sau, có khi làm thủng cả tờ giấy. Do đó, với bản thảo dày trang, khi xếp các tờ đầu tiên lại thành cuốn để đóng gáy thì các tờ cộm lên, tập giấy chỗ phồng chỗ xẹp.

4.3. Thứ Hai 30-4-1984, từ Long Xuyên thầy gửi mẫu giấy nhỏ khoảng non nửa tờ A5. Viết thư xong, thầy dán vào đó mẫu giấy *pelure* nhỏ hơn, đủ ghi mấy dòng bút bi đỏ:

Trên đó có bán thứ pelure nội hóa này không? Bao nhiêu một rame?

Ở đây có người muốn xin phép tôi đánh bộ Kinh Dịch làm 3 bản, mà giấy pelure ở đây đen quá.

Bấy giờ xã hội đang trong thời bao cấp. Trong ngôi trường nơi tôi dạy học ở quận Phú Nhuận, mọi công văn giấy tờ đều dùng giấy tái sinh vừa đen vừa thô ráp, lớp bột giấy thường xeo chỗ dày chỗ mỏng không đều.

Biết có người sắp đánh máy bộ Kinh Dịch, tôi viết thư ngỏ ý xin được “kê” vào đó một bản. Thầy hồi âm (trích):

Long Xuyên 26.5.84

Cháu Dũng thân,

(...)

Người mượn Kinh Dịch của tôi để đánh máy đã cho đánh non 2 tháng rồi, sắp xong 1 nửa bộ. Họ đánh 4 bản: 1 bản cho người đánh máy, 1 bản cho một người bạn của tôi, và 2 bản cho người chủ (tức người thuê đánh), tất cả 4 bản.

Không thể nhờ họ đánh thêm nữa được.

Như đã nói ở cuối mục 3.6., đầu tháng 8-1984, bộ Sử Trung Quốc tôi đánh máy xong; sau đó thầy tặng tôi một bộ Kinh Dịch (bản viết tay, giấy than, đóng thành hai tập). So với bản đánh máy, bản thảo này quý hơn biết bao! Bào đệ tôi đặt kỷ vật của thầy vào một hộp các-tông để tiện bảo quản.

5. Thư về việc khác

5.1. Ngoài kỷ vật nói ở mục 4.3. trên đây tôi còn một kỷ vật rất đặc biệt nữa, là lời thầy giải lá số tử vi của tôi vào Chủ

Nhật 15-01-1984. Thầy viết cả hai mặt một tờ *pelure* khổ A5, rồi từ Long Xuyên gửi về Bình Thạnh cho tôi (trích):

Tử vi không đúng hẳn đâu (mà các môn khác: Tử Bình, Hà Lạc cũng vậy). Chỉ đúng về đại cương, những nét chính, độ 6 phần 10 là nhiều; còn tiểu tiết thì sai nhiều hơn.

Vì vậy tôi chỉ đoán những nét chính thôi.

Thầy dựa vào các sao để luận về tánh nết tôi, rồi viết tiếp:

Tôi không rõ tính tình cháu nên ngờ rằng như vậy không đúng.

Số phát văn cũng được mà chuyên về kỹ thuật cũng được; có phần chắc là về văn hơn. Tốt ở điểm Mệnh có Thiên Khôi, lại có Thiên Việt ở Tài Bạch chiếu về: học giỏi và ưa công trình khảo cứu. Có Văn Xương ở Quan chiếu về, nhưng thiếu Văn Khúc, nên tài hoa một chút thôi, nét đó không đáng kể. Có Tả Hữu [Tả Phù, Hữu Bật] chiếu mạng, được nhiều người giúp. Có Hồng Loan với Thiên Không, Cô Thần: ít giao du, thích ở ẩn. Có nhiều phúc tinh: Thiên Quan, Thiên Đức, Phúc Đức, Thiên Phúc: tính tình nhân từ, và có gặp tai nạn gì cũng qua được.

Thầy giải tiếp về cung phụ mẫu, cung vợ, cung con, rồi kết luận:

Tóm lại, số như vậy là khá tốt: ăn vào cách Khôi Việt, Đào Hồng [Đào Hoa, Hồng Loan], Tả Hữu, đó là cách tốt nhất của cháu.

Cách tốt thứ nhì là đại hạn (mười năm là 1 đại hạn) của cháu, liên tiếp 30 năm (ba đại hạn), gặp tam hóa liên châu (Hóa Quyền, Hóa Khoa, Hóa Lộc), như vậy là tốt một mạch từ 16 đến 45 tuổi. Hạn đầu: 16-25 tuổi, có Hóa Quyền: khá. Hiện

nay cháu ở hạn giữa: có Khoa, Xương, Khúc, phát về văn, tốt nhất; hạn sau 36-45 có Hóa Lộc, Lộc Tồn, Cự Cơ, phong lưu; có Ân Quý nữa, được ân thưởng, trọng dụng, cũng rất tốt.

Trong hạn 26-35 có thể có vợ, nếu có thì vào năm Dần 1986, vì năm đó có Thiên Hỉ, Đào Hồng, Tham Lang.

Tôi gửi theo đây tr. 427 tôi mới viết lại để cháu thay vào trang 427 bộ Sử Trung Quốc.

Chúc cháu sang năm gặp nhiều may mắn: sang năm tốt đấy.

Hồi hai mươi tuổi, nhân lúc bị “thất học” hơn một năm rưỡi, tôi tới đường Cá Hấp mua một ít sách tử vi về tìm hiểu; nhờ vậy, đọc thư thầy luận giải lá số tử vi, hầu như tên các sao đều nói tắt cho gọn mà tôi không ngỡ. Tử vi là một trong mấy môn tôi sớm bỏ dở.

5.2. Thầy có một bạn văn cao niên, ở trong số ít người có thể ghé Kỳ Đồng không cần hẹn trước. Bấy giờ dù đang bận đọc sách hay ngồi viết, thầy cũng bỏ hết qua một bên để tiếp bạn. Thư Kỳ Đồng, Thứ Bảy 25-8-1984, thầy bảo:

Cháu Dũng thân,

*Ông __ 83 tuổi rồi mà vẫn mạnh, viết vẫn hăng. Ông ấy hết giấy *pelure* rồi (ông ấy đánh máy chứ không viết tay như tôi), nhờ cháu mua giùm cho 2 rames *pelure* thứ trắng, mỏng 120-130đ (giá có tăng thì cũng cứ mua).*

Mua được rồi, cháu đem lại ông Lê Ngô Châu, ông Châu sẽ trả tiền cháu, rồi đưa ông __, ông __ sẽ hoàn tiền lại ông Châu.

Thân ái / (Chữ ký)

Tôi có đọc sách của cụ ấy, một học giả nổi tiếng, nhờ vậy biết được ít nhiều sử liệu về Sài Gòn thời Pháp thuộc, có ích cho tôi soạn cuốn *Lịch Sử Đạo Cao Đài Thời Kỳ Tiềm Ẩn* (1920-1926).⁽²³⁾ Vốn thích sách cụ viết, tôi sốt sắng làm giúp chút việc nhỏ nhặt theo đúng lời thầy dặn.

5.3. Nào ngày thư Kỳ Đồng, Thứ Năm 30-8-1984, thầy cho biết:

Cháu Anh Dũng thân,

Hôm qua ông Lê Ngọc Châu lại chơi tôi cho hay cháu đã mua cho ông ___ 2 rames giấy, nhưng ông ___ cũng đã mua trước rồi 3 rames lận! Và cháu đành phải trả lại người bán giấy. May mà là chỗ quen, họ không buồn.

Sáng hôm nay ông ___ lại cho tôi hay đã mua 3 rames giấy rồi, và hỏi tôi cháu đã mua 2 rames chưa, nếu mua rồi thì ông ấy sẽ lấy nữa. Tôi bảo cháu đã trả người bán giấy rồi. Ông ấy hơi ân hận đã làm mất thì giờ của cháu, gửi tôi lời xin lỗi cháu.

83 tuổi, hoặc nóng tính vội mua, hoặc quên mất rằng đã nhờ cháu mua. Tôi may mà chưa đến nỗi như vậy, rán giữ lời hứa, lời nhờ, không để phiền cho người khác. Cháu đừng phiền nhé. Đây cũng là một bài học nữa cho tôi: Đừng vội tin người.

Thân

(Chữ ký)

⁽²³⁾ Đã in tại Nxb Thuận Hóa (Huế, 1996); sau này sửa thành *Lược Sử Đạo Cao Đài: Thời Tiềm Ẩn 1920-1926 / A Concise Caodai History: The Earliest Beginnings 1920-1926*. Hà Nội: Nxb Hồng Đức, 2017. (Sách song ngữ Việt-Anh.)

Tôi thật sự chẳng phiền lòng gì chuyện con con ấy, nhưng sự việc này khiến tôi càng kính trọng thầy nhiều hơn. Qua lời thư, tôi cảm nhận được lòng thầy áy náy vì làm tôi mất công vô ích.

Lần duy nhất tôi gặp vị lão trưởng ngoài bát tuần là buổi sáng đưa linh cữu thầy đi Thủ Đức hỏa táng. Tôi bước bên cạnh cụ, chẳng hé răng về vụ mua giấy bốn tháng trước. Thấy tôi chào hỏi lễ phép, mặt còn trẻ mà đầu sớm bạc nhiều, cụ ân cần hỏi thăm danh tánh và tuổi, có liên hệ thế nào với thầy mà đi đưa đám. Giọng cụ rất tình cảm. Trên đường đi có một cái rãnh hẹp chắn ngang, tôi chưa kịp nhảy qua thì cụ tay vẫn cầm ba-toong, co chân phóng sang bờ bên kia rất gọn. Râu tóc bạc phơ, da mặt hồng hào, cụ trông đẹp lắm.

*

Tại Diêu Trì Bửu Điện (thánh thất Bình Hòa), ngày 28-8 Đinh Mùi (Chủ Nhật 01-10-1967), Đức Diêu Trì Kim Mẫu Vô Cực Từ Tôn giáng cơ dạy môn sanh Cao Đài:

Một lần nữa, Mẹ lại nhắc với các con, không ai đặt tất cả ngọc trai trên thế giới này vào một xâu chuỗi bao giờ, cũng như không ai nạm tất cả kim cương trên thế giới này vào một chiếc nhẫn bao giờ.

Tôi vin vào lời Mẹ để được an ủi với những vụng về của bản thân, bởi tự biết không thể trong một bài viết, thậm chí là một tập sách, đủ sức trình bày hết được, nói trọn vẹn được tất cả những đức tánh cao quý của thầy Nguyễn Hiến Lê.

Nhiều Lộc, 23-11-2018

VĨ THANH

Hết bậc tiểu học ở trường làng (xã Mỹ Lương, quận Chợ Mới), tôi trúng tuyển vào đệ thất (sau này là lớp sáu) trường trung học công lập Thoại Ngọc Hầu bên Long Xuyên (tỉnh An Giang). Tôi qua tỉnh lỵ, trọ học được mấy tháng đầu niên khóa 1966-1967 thì ba tôi xin đổi lên Sài Gòn dạy học. Từ đó, không có dịp nào tôi trở lại Long Xuyên.

Đầu thập niên 1990 tôi chuyển về làm việc ở trường Đại Học Kinh Tế (số 59C đường Nguyễn Đình Chiểu). Những khi mỗi mệt, tôi hay rời văn phòng, lững thững đi tới chơi nhà bác Lê Ngộ Châu (số 160 cùng đường). Một hôm bác cho biết sắp về Long Xuyên thăm bà Nguyễn Hiến Lê (Nguyễn Thị Liệp), thế là tôi xin thắp tùng vì xe còn dư chỗ.

Cách mặt lâu ngày, được gặp lại mấy người quen cũ, cô mừng. Lúc này cô đã là Thích Nữ Huệ Đức, thí phát lâu rồi, tu tại gia nhưng vẫn mặc áo lam. Bữa trưa, người nhà cô thiết đãi khách Sài Gòn một mâm nhiều món mặn thịnh soạn. Phần tôi, cô bảo: *Cháu ăn chay chung với cô*. Thì ra, cô vẫn nhớ tôi ăn chay trường.

Lần cuối tôi về Long Xuyên là khi bác Lê Ngộ Châu gọi điện thoại cho tôi, báo tin cô tạ thế ngày Thứ Sáu 09-7-1999 (26-5 Kỷ Mão). Cô sanh năm 1909 (Kỷ Dậu), thọ chín mươi mốt tuổi ta. Tôi gọi điện thoại, bàn nhanh với anh Trần Văn Chánh, rồi sáng sớm hôm sau hai chúng tôi cùng ra bến xe

miền Tây. Viếng linh cữu cô xong, chúng tôi trở về tới Sài Gòn trời đã khuya lơ.

Giữa hai lần đó, có một lần tôi lên xe đò về Long Xuyên. Gần trưa ngày Thứ Sáu 17-02-1995, tôi bước vào nhà cô, ghé thăm đột ngột, khiến cô vui bất ngờ. Cô hỏi: *Cháu đi một mình à? Có công tác gì ở Long Xuyên sao?*

Giữ chặt hai bàn tay gầy của cô một lúc, tôi đáp: *Con về thăm cô một bữa. Sáng mai con trở lên Sài Gòn*. Cô hoan hỷ nói ngay: *Vậy thì ở đây ăn cơm với cô. Tối cháu qua ngủ bên nhà cũ của ông*.



Thầy Nguyễn Hiến Lê và cô Nguyễn Thị Liệp
ảnh chụp trong sân nhà ở 12/3C Kỳ Đồng, quận 3, Sài Gòn.

Hôm ấy cũng giống những năm trước, sau ngày thầy khuất bóng, mỗi khi tới nhà ở đường Kỳ Đồng thăm cô, trong lúc hàn huyên tôi hay gọi chuyện để cô nhắc về thầy. Cô nói chậm rãi, nhỏ nhẹ, và tôi cảm nhận dường như các kỷ niệm êm đềm làm cô vui vui.

Tôi vẫn thích mấy mẩu chuyện nho nhỏ cô kể, những lúc ở Sài Gòn, và một lần tại Long Xuyên (1995). Chúng rời rạc, không xâu chuỗi được, nhưng giúp tôi biết thêm vài góc cạnh trong đời thường của thầy mà *Hồi Ký* không ghi lại. Chẳng hạn:

1. Tại Kỳ Đồng, cô từng bảo tôi: *Ở nhà này cô chỉ làm gác-dan [gardien] cho ống mà thôi*. Ý cô là nhiều năm dài cứ phải giữ cửa, không để những người ái mộ tìm đến nhà, làm mất thời gian đọc sách, viết văn của thầy. Nghe cô nói vậy, tôi mỉm cười nhớ lại:

Lần đầu tiên hồi cuối tháng 12-1974, tôi đứng ngoài cổng rào nhận chuông thì cô bước ra hỏi lý do. Tôi trao phong bì lớn đựng tập sách quay *ronéo*, nhờ cô chuyển đến thầy rồi cảm ơn cô, chào ra về, rất mau lẹ. Lần thứ nhì tới nhà biếu sách vào tháng 5-1975 cũng diễn ra y như vậy.

Lần thứ ba vào cuối tháng 9 hay đầu tháng 10-1979. Chiều hôm ấy tôi đạp xe đến Kỳ Đồng nhận chuông. Cô không nhớ mặt gã thanh niên hơn bốn năm trước từng đứng trước cổng nhà. Giọng cô nhỏ nhẹ: *Cậu là ai? Tìm ông nhà tôi có việc gì?* Tôi xưng tên và giải thích: *Thưa cô, thầy biên thơ, bảo con tới nhà*. Cô nói liền: *Cậu đứng ngoài này chờ. Để tôi hỏi lại ông*. Cô chậm rãi đi vào, hồi lâu trở ra mở cổng, cô nói: *Cậu vô phòng khách ngồi chờ ông nhà tôi xuống*.

Những lần sau tôi tới, chỉ cần nói thầy bảo ghé nhà thì cô mời vào phòng khách ngồi, không có thủ tục: *Cậu đứng ngoài này chờ. Để tôi hỏi lại ông*.

2. Bạn đọc và bạn văn viết thư gửi thầy thường xuyên và nhiều. Cô bảo tôi: *Cô còn làm thơ ký cho ống nữa. Có lá thơ nào tới thì cô lấy kéo cắt sẵn một đầu bao thơ, rồi xếp lên bàn làm việc cho ống*. Tôi nghĩ, ra bưu điện gửi thư cũng là cô.

3. Cô là nhà giáo, sinh trưởng ở miền Nam. Cô kể rằng hồi đầu thầy viết văn, đều đưa cô đọc trước. Cô nhận xét thầy viết theo giọng Bắc nên có những chữ sai chánh tả, hoặc dùng một số tiếng miền Bắc thì trong Nam đọc không hiểu. Nghe vậy, thầy vui vẻ sửa chữa và đưa cô đọc lại.

4. Nhà ở Kỳ Đồng có căn phòng phía ngoài trở cửa ăn thông với phòng khách bên trong. Trên vách phòng ấy thầy đóng một tran thờ nhỏ, gọn, rất đơn giản, để hằng ngày cô cúng Phật. Cô nói thầy theo đạo Nho, nhưng tôn trọng tín ngưỡng của cô. Tran thờ phải đóng cao hẳn lên để thầy khỏi đụng đầu. Nhưng cô thấp, chỉ tới ngang vai thầy, nên vói tay không chạm được bát nhang, kê thêm ghế thì sợ té. Do đó, chiều chiều thầy bảo: *Tôi cắm nhang xong rồi, bà ra cúng Phật đi*.

Chuyện cái tran thờ khiến tôi nhớ một lần mang biếu thầy gói nho tươi. Thầy cảm ơn, liền chia ra làm hai phần và bảo: *Thứ này chua mà tôi đau bao tử. Tôi tặng cháu phân nửa. Còn lại thì để nhà tôi cúng Phật*. Hôm ấy tôi học được cách thầy nhận quà: *Tôi tặng cháu phân nửa*.

Tương tự, một mùa trung thu thời bao cấp, tôi mang một hộp bánh đến Kỳ Đồng biếu thầy. Thầy vui vẻ nói: *Thứ này ăn*

nặng bụng, khó tiêu lắm. Rồi lấy bột ra hai cái, còn lại phân nửa trong hộp, thầy cười bảo: Tôi nhận quà của cháu rồi. Phần này tôi tặng cháu.

5. Về cách thầy ăn uống, cô kể: *Gần xong bữa, còn một miếng cơm trong chén, ông chỉ lấy đầu đũa vét chỗ cá vụn trong đĩa để ăn nốt miếng cơm. Khứa cá kho thì giữ còn nguyên, dành qua bữa sau.*

6. Thầy làm hôn thú bậc nhì với cô năm 1956 tại Long Xuyên sau khi thân mẫu cô quy tiên. Trước đó hai mươi năm, thầy từng cầu hôn nhưng cô từ tạ vì muốn báo hiếu mẹ cho trọn vẹn. Hai người luôn quý trọng nhau, chuyện cầm sắt đổi thành duyên cầm kỳ. Cô kể: *Ông viết thơ cho cô nhiều lắm. Hễ gặp cảnh nào đẹp, chuyện gì hay là viết thơ gởi cô, tả tình tả cảnh rất tài. Lá thơ nào đọc cũng thích. Tất cả thơ từ cho cô, ông không hề nói một lời yêu đương.*

6. Tháng 12-1984, mấy ngày cuối đời thầy nằm bệnh viện, cô ở bên cạnh chăm sóc nhưng chẳng có chỗ nghỉ lưng. Thầy dịch người, nép vô sát tường, rồi lấy bàn tay vỗ vỗ xuống nệm giường ra hiệu. Cô hỏi: *Ông làm gì vậy?* Thầy cười: *Biết rồi mà còn hỏi!* Kể xong, cô lặng thinh. Ngồi cạnh cô, tôi cũng lặng thinh, tôn trọng khoảnh khắc cô chìm vào nỗi nhớ. Tôi nghĩ đây là một kỷ niệm cuối cùng rất đẹp, một hạnh phúc cô sẽ mang mãi lâu dài trong tuổi về chiều.

7. Thầy tạ thế rồi, nhân lễ bốn mươi chín ngày, tôi xin phép cô cho tôi thỉnh hai vị trưởng thượng của tôi trong Hiệp Thiên Đài Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Cao Đài Giáo Việt Nam là tiền bối Bạch Tuyết (Lê Ngọc Trang, 1918-1986) và tiền bối Huệ Chơn (Nguyễn Thành Lũy, 1925?-2015), cùng một

nhóm nhỏ thanh thiếu niên đến tụng kinh ở Kỳ Đồng vào buổi tối. Theo nghi lễ Cao Đài, mọi người đều mặc áo dài trắng, quần trắng, nam đội thêm khăn đóng đen.

Đêm đó, ban hành lễ chia thành hai bên (nam tả nữ hữu) đứng trước bàn thờ thầy, còn tôi quỳ ở giữa; tất cả cùng cất giọng nam ai đọc bài *Kinh Tụng Khi Thầy Quy Vị* do Đức Giác Minh Thánh Đức (tiền kiếp là ngài Đoàn Thị Điểm, tức Hồng Hà Nữ Sĩ) giảng cơ ban cho.

Ít lâu sau, cô cho tôi biết ông Châu Hải Kỳ (1920-1993) nghe cô kể về buổi cúng ấy, muốn xin tôi bài kinh mà cô tẩm tấu với ông là lời lẽ rất cảm động. Thế theo ý cô, tôi chép trọn bài kinh để cô gởi ra Nha Trang tặng ông Châu Hải Kỳ:

*Đường công danh càng nhìn quảng đại
Nghĩa thầy trò nghĩ lại khó quên
Vái cùng sư phụ linh thiêng
Chứng lòng đệ tử đáp đền ơn xưa.
Dầu hoạn lộ chưa vừa sở nguyện
Dầu cửa quyền trọng tiếng chấn dân
Ơn cha sanh hóa ra thân
Ơn thầy giáo huấn cũng gần như nhau.
Khoa võ môn dầu nhào qua khỏi
Trương vi rồng học hỏi nơi ai
Đẹp mình với vẻ cân đai
Công thầy tô điểm từ ngày ấu xuân.
Cõi hư vô nay gần phước Thánh
Xin châu toàn đường hạnh môn sinh
Cõi Thiên xin gởi chút tình
Rót chung ly hận gặt mình đưa thương.*

*

Quay lại ngày Thứ Sáu 17-02-1995. Hôm đó, xách ba lô qua nhà cũ của thầy, tắm rửa xong, tôi cầm máy ảnh đi ra sân trước. Trời chiều nắng còn tốt. Bước loanh quanh trong khoảnh đất nhỏ trồng rải rác một ít loại hoa kiểng, tôi đứng nhìn căn nhà cổ lợp ngói đỏ của cô, mà trong *Hồi Ký* thầy nói là *tài sản duy nhất của nhà tôi khi về hưu, sau ba mươi bảy năm dạy học ở Long Xuyên*.

Rồi tôi bước tới bên dàn hoa xây thâm thấp, quét vôi trắng phủ ngoài lớp xi măng. Dàn hoa trống trải, đứng gần ngôi tháp nhỏ sáu mặt lưu hũ cốt của thầy. Từ chỗ ấy tôi nhìn thẳng vào mặt tiền ngôi nhà cũ của thầy, mà trong *Hồi Ký* thầy kể: *Trên mười năm trước, tôi cất thêm một căn nhỏ bằng gạch ở bên nhà cũ,⁽¹⁾ làm chỗ tôi viết lách và nghỉ ngơi, khoảng năm mươi thước vuông, cho nhà tôi tụng niệm được yên tĩnh*.

Tôi trở vào trong nhà thầy, đứng cạnh cái bàn gỗ đơn sơ. Kê sát một đầu bàn là chiếc ghế trên lưng dựa vắt cái vông thầy từng nằm nghỉ ngơi, đọc sách, hoặc viết thư. Chẳng hạn, thư Long Xuyên, Thứ Sáu 23-3-1984, thầy bảo tôi: *Suốt ngày tôi nằm vông. (Thư này viết trên vông đây.)*

Bàn gỗ ấy kê sát tường, giữa hai khung cửa. Phía trên khung cửa bên trái treo ảnh thầy, do danh gia nhiếp ảnh Cao Linh chụp. Phía trên khung cửa bên phải treo ảnh mẹ thầy (cụ Nguyễn Thị Sâm). Cân đối giữa hai khung cửa ấy là đôi liễn chữ Nho và bức tranh thầy đồ dạy học treo thay tấm

hoành. Đôi liễn và bức tranh trước đây tôi đã thấy ở nhà thầy trên Sài Gòn.

Sát bức tường thứ hai thẳng góc với khung cửa bên phải là bàn thờ song thân thầy, đặt chánh vị. Có ba bàn nhỏ hơn lồng vào nhau xếp gọn bên dưới gầm bàn thờ. Như vậy, khi cúng giỗ, kéo tất cả ra bày thành ba bậc để sắp các món tế phẩm rất tiện và trang trọng. Nép bên trái bàn thờ ấy là bàn thờ thầy, thấp hơn. Ảnh thờ thầy là bức do ông Lê Thanh Thái (1927-2012) chụp.

Trong phòng ngủ của thầy kê chiếc giường gỗ giản dị. Bốn cọc mùng được giăng với nhau bằng một khung gỗ thanh mảnh, như cái nóc.

Tôi băng khuâng nhìn từng món đáng chú ý trong nhà cũ của thầy, và bấm máy ảnh lưu lại mấy dấu tích người xưa.

Sau khi cô Huệ Đức châu Phật bốn năm, anh Trần Văn Chánh bàn với tôi rủ vài bạn văn cùng in hiệp tuyển *Nguyễn Hiến Lê – Con Người Và Tác Phẩm* (Nxb Trẻ). Tôi góp năm tấm ảnh hôm xưa chụp ở Long Xuyên để làm phụ bản, ký tên Nghê Dũ Lan, tức là Lê Anh Dũng hoán vị chữ mà ra, theo cách *anagram*.

Giờ đây, in lại các ảnh ấy trong bốn trang màu kèm theo tập hồi ức mỏng manh này, với tắc lòng hoài niệm, tôi kính thành vọng hướng giác linh thầy cô đang thông dong nơi non Bồng nước Nhựt.

Nhiều Lộc, 14-11-2018

⁽¹⁾ Ngôi nhà cổ lợp ngói đỏ của cô.

Ngoại tập: *Một góc nhìn khác*
NGƯỜI TRÍ THỨC CHÂN CHÍNH
NGUYỄN HIỂN LÊ

(D)ường như người ta thường chỉ chú ý đến Nguyễn Hiến Lê như một học giả, một nhân vật có nhiều thành tích xuất sắc về phương diện học thuật, một con người của sách vở, mà ít ai nhấn mạnh đầy đủ đến khía cạnh ông là một trí thức đầy trách nhiệm thể hiện ở thái độ yêu nước thương dân chân thành, lúc nào cũng bận bịu việc đời, trăn trở với những nỗi thăng trầm của dân tộc cũng như về những vấn nạn của thế giới mà số phận của dân tộc không thể tách rời. (...)

Tất nhiên, chỉ với phần đóng góp lớn cho sự nghiệp giáo dục thế hệ trẻ không thôi, như mọi người nhận thấy, Nguyễn Hiến Lê cũng đã thể hiện vai trò, trách nhiệm của người trí thức trong xã hội. Điều rõ nét hơn là nhịp đập trái tim của ông luôn gắn liền với thời cuộc và những nỗi âu lo của cuộc sống, thể hiện bằng bạc kiên nhẫn và xuyên suốt trên từng trang viết của cả cuộc đời mình. Ông tuy có lặn hụp trong sách vở nhưng không đắm đuối để cho chữ nghĩa làm “tha hóa” đến quên mất những trách nhiệm hiện thực đối với cuộc sống đầy gian truân bấp bênh trực trặc của đồng bào đồng loại.

TRẦN VĂN CHÁNH

Đại Đạo Văn Uyển Tập Trình (số 12)
Hà Nội: Nxb Tôn Giáo, 2014, tr. 113-114.

CHƯƠNG TRÌNH CHUNG TAY ẤN TỔNG KINH SÁCH ĐẠI ĐẠO

Liên kết Nxb Tôn Giáo (Hà Nội) và Nxb Hồng Đức (Hà Nội) từ tháng 6-2008. Đã ấn tổng:

- 01-3. ĐẤT NAM KỲ — TIỀN ĐỂ VĂN HÓA MỞ ĐẠO CAO ĐÀI / *Cochinchina as a Cultural Precondition for the Foundation of Caodaism*. Huệ Khải, 2008 [in 2 lần], 2012.
- 02-3. NGÔ VĂN CHIÊU — NGƯỜI MÔN ĐỆ CAO ĐÀI ĐẦU TIÊN / *Ngô Văn Chiêu – the First Caodai Disciple*. Huệ Khải, 2008, 2009, 2012.
- 03-2. LỜI VÀNG SEN TRẮNG. Bạch Liên Tiên Trưởng; Huệ Khải chú thích, 2008, 2009.
- 04-2. LÒNG CON TIN ĐẮNG CAO ĐÀI. Huệ Khải, 2008, 2010. [Hết]
- 05-3. LUẬT NHÂN QUẢ THEO GIÁO LÝ CAO ĐÀI. Huệ Khải, 2008, 2010, 2012.
- 06-2. ĐẤT NAM KỲ — TIỀN ĐỂ PHÁP LÝ MỞ ĐẠO CAO ĐÀI / *Cochinchina as a Legal Precondition for the Foundation of Caodaism*. Huệ Khải, 2008, 2010. [Hết]
- 07-1. CÁC THÁNH SỞ CAO ĐÀI TỈNH LONG AN. Đạt Linh, Đạt Truyền, Huệ Khải, 2008. [Hết]
- 08-2. BỒI DƯỠNG ĐỨC TIN. Bùi Văn Tâm, 2008, 2012. [Hết]
- 09-2. LỄ BỔN. Cao Triều Phát soạn; Huệ Khải, Lê Anh Minh san nhuận, 2008, 2009.
- 10-3. CƠ DUYÊN VÀ TUỔI TRẺ. Phạm Văn Liêm, 2009 [in 2 lần], 2012. [Hết]
- 11-2. NHỚ ĐẠT LINH. Huệ Khải chủ biên, 2008, 2009. [Hết]
- 12-3. KINH CỨU KHỔ TRONG ĐẠO CAO ĐÀI. Huệ Khải, 2009, 2010, 2011.
- 13-1. HỌC TẬP THÁNH GIÁO NĂM ẤT TÝ (1965). Huệ Khải, Lê Anh Minh hiệp chú, 2009. [Hết]
- 14-4. ĐẠO ÁO TRẮNG. Phạm Văn Liêm, 2009, 2010, 2016.
- 15-3. TÌM HIỂU KINH SÁM HỐI. Thanh Căn, Huệ Khải, 2009, 2010, 2011.
- 16-2. TÌM HIỂU NGỌC HOÀNG THIÊN TÔN BỬU CÁO. Huệ Khải, 2009, 2010.
- 17-2. THIỆN THƯ. Lê Anh Minh, 2009, 2013.
- 18-2. HƯƠNG QUẾ CHO ĐỜI. Phạm Văn Liêm, 2009, 2012.
- 19-1. XUÂN TRI ÂN. Hiệp tuyển thơ văn, nhiều người viết, 2010. [Hết]
- 20-2. CÓ MỘT TÌNH THƯƠNG. Bạch Liên Hoa, 2010, 2011.
- 21-2. BA MÓN BẦU CỦA NGƯỜI ĐẠO CAO ĐÀI. Thanh Căn, 2010, 2012. [Hết]
- 22-2. TAM GIÁO VIỆT NAM — TIỀN ĐỂ TƯ TƯỞNG MỞ ĐẠO CAO ĐÀI / *The Three Teachings of Vietnam as an Ideological Precondition for the Foundation of Caodaism*. Huệ Khải, 2010, 2013.
- 23-2. ƠN GỌI MIỀN TRUNG. Phạm Văn Liêm, 2010, 2011.
- 24-4. HÀNH TRANG NGƯỜI ĐẠO CAO ĐÀI. Diệu Nguyên, 2010 [in 2 lần], 2012, 2013. [Hết]
- 25-3. CÂU CHUYỆN ĐỨC TIN. Diệu Nguyên, 2010, 2011, 2012.
- 26-1. NGHỆ THUẬT THUYẾT TRÌNH GIẢNG ĐẠO. Đơn Tâm, 2010.
- 27-2. HÀNH TRANG TIẾN BỒI CAO TRIỀU PHÁT. Cao Bạch Liên, Huệ Khải, 2010, 2012.
- 28-2. TRIẾT LÝ ĐẾN THÁNH CAO ĐÀI TÂY NINH. Huệ Khải, 2010, 2012.

29-2. DANH THẤY DANH ĐẠO. Đơn Tâm, 2010, 2012.
 30-2. MỘT ĐỒNG BẤT NHÃ. Huệ Khải, 2010, 2013.
 31-2. GIẢI MÃ TRUYỆN TÂY DU. Huệ Khải, 2010, 2011. [Hết]
 32-1. NGÀI MINH THIÊN – CUỘC ĐỜI VÀ ĐẠO NGHIỆP. Đại Cơ Huân, 2010.
 33-2. TINH HOA CAO ĐÀI GIÁO. Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ, 2010, 2012. [Hết]
 34-3. THẤT CHÂN NHÂN QUẢ. Lê Anh Minh dịch và chú thích, 2010 [in 2 lần], 2012. [Hết]
 35-1. XUÂN CHUNG TÂM. Hiệp tuyển thơ văn, nhiều người viết, 2011. [Hết]
 36-2. ĐẠI THỪA CHƠN GIÁO. Cao Đài Chiêu Minh Tam Thanh Vô Vi, 2011, 2016.
 37-2. NỐI CHUYỆN CAO ĐÀI. Đơn Tâm, 2011, 2012.
 38-9. KINH SÁM HỐI MINH HỌA. Tranh 4 màu, 2011, 2012, 2014, 2015, 2016, 2017.
 39-2. TÌM HIỂU HAI BÀI TIÊN THIÊN KHÍ HÓA VÀ QUẾ HƯƠNG NỘI ĐIỆN. Huệ Khải, 2011, 2012.
 40-2. SỬ MANG ĐẠI ĐẠO TAM KỶ PHỔ ĐỘ. Đơn Tâm, 2011, 2012.
 41-2. TRÊN ĐƯỜNG THIÊN LÝ. Phạm Văn Liêm, 2011, 2013. [Hết]
 42-2. NHỊP CẦU TƯƠNG TRI. Huệ Khải, 2011, 2013.
 43-2. ĐIỂM TỰA TÂM LINH. Huệ Khải, 2011, 2012.
 44-2. ĐỌC LẠI THẤT CHÂN NHÂN QUẢ. Huệ Khải, 2011, 2013.
 45-1. NGƯỜI ĐẠO CAO ĐÀI LÀM QUEN PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU. Huệ Khải, 2011.
 46-1. TIẾNG CHIM QUYÊN. Phạm Văn Liêm (thơ), 2011.
 47-1. MỘT GÓC NHÌN VĂN HÓA CAO ĐÀI. Huệ Khải, 2011.
 48-2. CON ĐƯỜNG HẠNH PHÚC. Huệ Khải, 2011, 2013.
 49-1. KINH CÙNG TỬ THỜI. Cao Đài Chiêu Minh Tam Thanh Vô Vi, 2011. [Hết]
 50-1. XUÂN HÒA ĐỒNG. Hiệp tuyển thơ văn, nhiều người viết, 2012. [Hết]
 51-3. CUỘC ĐỜI PHẬT THÍCH CA. Ngô Bái Thiên, tranh 4 màu, 2012 [in 2 lần], 2013.
 52-3. TU CỨU CỬU HUYỀN THẤT TỔ. Huệ Khải, 2012, 2013, 2017.
 53-1. CẤM ĐẠO CAO ĐÀI Ở TRUNG KỲ (1928-1950) / *Caodaism under Persecution in Central Vietnam (1928-1950)*. Huệ Khải, 2012.
 54-2. BẮC CẦU TÂM LINH. Huệ Khải, 2012, 2013.
 55-2. HÒA ĐIỀU LIÊN TÔN. Huệ Khải, 2012, 2013.
 56-1. ĐẠO LÝ HUYỀN CƠ. Thiện Bảo, 2012. [Hết]
 57-1. LƯỢC SỬ BÁT BỬU PHẬT ĐÀI. Thiện Bảo, 2012. [Hết]
 58-2. CAO ĐÀI KHÁI YẾU. Đạt Đức, 2013, 2015. [Hết]
 59-1. QUAN THÁNH XƯA VÀ NAY. Huệ Khải, 2013. [Hết]
 60-1. MỤC ĐÍCH & ĐƯỜNG LỐI CƠ QUAN PHỔ THÔNG GIÁO LÝ ĐẠI ĐẠO. Đơn Tâm, 2013.
 61-2. GIỌT NGỌC KIM BÀN. Thanh Căn, 2013, 2014. [Hết]
 62-1. CUỘC ĐỜI ĐỨC KHỔNG TỬ. Huệ Khải, Lê Anh Minh (truyện tranh), 2013.

63-1. CÔNG GIÁO & CAO ĐÀI HỘI NGỘ PHỤC SINH. Nhiều người viết, 2013.
 64-1. ĐẠI ĐẠO VÀ TÔN GIÁO. Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ, 2013.
 65-1. BÁT QUÁI ĐỒ THIÊN XƯA VÀ NAY. Nhiều người viết, 2013.
 66-1. THƠ NGƯỜI ÁO TRẮNG. Nhiều người viết, 2013.
 67-2. ƠN CỨU ĐỘ. Diệu Nguyên, 2013, 2016.
 68-1. TRUNG DU HÀNH ĐẠO. Nhiều người viết, 2013. [Hết]
 69-1. DƯỚI MÁI ĐẠO VIỆN. Huệ Khải, 2013.
 70-1. CÔNG GIÁO & CAO ĐÀI HỘI NGỘ GIÁNG SINH. Nhiều người viết, 2013.
 71-1. HỒ BIỂU CHÁNH XƯA VÀ NAY. Huệ Khải, 2014.
 72-1. PETRUS KÝ XƯA VÀ NAY. Huệ Khải, 2014.
 73-1. TƯỜNG NHỚ NHÂN TỬ NGUYỄN VĂN THỌ. Huệ Khải chủ biên, 2014.
 74-1. HÀNH TRANG ĐỨC AN TRINH THẦN NỮ. Huệ Khải, 2014.
 75-1. AN THUẬN QUẢ DUYÊN. Diệu Nguyên, 2014. [Hết]
 76-1. TRỜI CHẴNG XA NGƯỜI. Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ, 2014.
 77-2. THIÊN BÀN TẠI NHÀ / *The God's Altar at Home*. Huệ Khải, 2014, 2017.
 78-1. SƠ KHẢO BÀI KINH *NGỌC HOÀNG TÂM ẤN*. Lê Anh Minh, 2014.
 79-1. NGŨ GIỚI CẤM XƯA VÀ NAY / *The Five Precepts Past and Present*. Huệ Khải, 2014.
 80-1. VẠN HẠNH THIÊN SỰ XƯA VÀ NAY. Huệ Khải kết tập, 2014.
 81-1. THIÊN ĐÀNG ĐỊA NGỤC HAI BÊN. Diệu Nguyên, 2014.
 82-1. TÌM HIỂU NGŨ CHI ĐẠI ĐẠO. Thanh Căn, 2014. [Hết]
 83-1. TỰ THẤP ĐUỐC MÀ ĐI. Thiện Quang, 2014. [Hết]
 84-1. NẾO VỀ TÂM LINH. Huệ Khải, 2014. [Hết]
 85-1. GIA ĐÌNH TRONG TÂN LUẬT CAO ĐÀI / *Family in the Caodai New Law*. Huệ Khải, 2014.
 86-1. MẤY NHÁNH RỒI SAU CÙNG MỘT NHÀ. Phạm Văn Liêm, 2014.
 87-1. NGỌN NẾN NÀO KHÔNG TẮT. Huệ Khải, 2015. [Hết]
 88-1. MINH GIÁO THÁNH TRUYỀN. Hội Thánh Cao Đài Tiên Thiên, 2015.
 89-1. ĐẠO CAO ĐÀI TRONG ĐỜI SỐNG CÔNG CHÚNG / *Caodaism in Public Life*. Thiện Quang, Huệ Khải, 2015.
 90-1. MINH THIÊN CHƠN KINH. Thánh tịnh Ngọc Linh, 2015.
 91-1. LỊCH SỬ THÁNH THẤT CAO ĐÀI THỦ ĐỘ HÀ NỘI. Huệ Khải, 2015. [Hết]
 92-1. HỒNG ẪN TẬN ĐỘ. Phạm Văn Liêm, 2016.
 93-1. LƯỢC SỬ ĐẠO CAO ĐÀI: THỜI TIẾM ẮN 1920-1926 / *A Concise Caodai History: The Earliest Beginnings 1920-1926*. Huệ Khải, 2017.
 94-1. LƯỢC SỬ ĐẠO CAO ĐÀI: KHAI MINH ĐẠI ĐẠO 1926 / *A Concise Caodai History: The 1926 Inauguration*. Huệ Khải, 2015.

Thư từ xin gởi về: daidaovanuyen@gmail.com

- 95-1. HÀNH TRANG TIỀN KHAI NGUYỄN NGỌC TƯƠNG 1881-1951. Huệ Khải, 2016.
- 96-1. ĐỐI THOẠI LIÊN TÔN GIÁO TỪ GÓC NHÌN MỘT TÍN HỮU CAO ĐÀI / *Interfaith Dialogues as Viewed by a Caodai Believer*. Huệ Khải, 2015.
- 97-1. GỞI NGƯỜI ÁO TRẮNG. Trần Dã Sơn (thơ), 2015.
- 98-1. GIỮA CHỖN TA BÀ. Huỳnh Văn Mười (thơ), 2015. [Hết]
- 99-1. TRONG THỜI ĐẠI CHÚNG TA VỚI TÂM TÌNH MỘT TÍN HỮU CAO ĐÀI / *Nostra Aetate in a Caodai Believer's Sentiment*. Huệ Khải, 2016.
- 100-1. ĐÔI ĐIỀU VỀ BÌNH GIẢNG THÁNH GIÁO. Huệ Khải, 2016. [Hết]
- 101-1. GIỮ LỬA CHO NHAU. Huệ Khải, 2016.
- 102-1. ĐƯỜNG VỀ THẤY. Đức Thuần, 2017. [Hết]
- 103-1. HÀNH TRANG TIỀN KHAI LÊ VĂN TRUNG 1876-1934. Huệ Khải, 2017.
- 104-1. MÔNG CÁNH CHUỖN CHUỖN. Trần Dã Sơn (thơ), 2017. [Hết]
- 105-1. SỐNG ĐẸP LÀ SỐNG ĐẠO. Huệ Khải, 2017.
- 106-1. MÔNG MẢNH TƠ TRỜI. Huệ Khải, 2017.
- 107-1. CAO CAO DÁNG NÚI. Huệ Khải, 2017.
- 108-1. AI ĐO LÒNG BIỂN. Huệ Khải, 2017.
- 109-1. ÁI HOA KHÔNG CÒN NỮA. Lê Anh Minh, 2017.
- 110-1. MỘT THOÁNG CAO ĐÀI / *Brief Glimpses into Caodaism*. Huệ Khải, 2017.
- 111-1. TÂM LÝ NGƯỜI ĐẠO CAO ĐÀI / *The Psychology of Caodaists*. Huệ Khải, 2017.
- 112-1. CÁI ĐẸP THEO MỸ HỌC CAO ĐÀI / *Beauty in Terms of the Caodai Aesthetics*. Huệ Khải, 2017.
- 113-1. Ý THỨC HỆ CAO ĐÀI / *The Caodai Ideology*. Huệ Khải, 2017.
- 114-1. GỞI LẠI CHO ĐỜI. Huệ Khải, 2018.
- 115-1. CON ĐƯỜNG ĐẾN VỚI CAO ĐÀI. Huệ Khải kết tập, 2018.
- 116-1. MỘT SỐ TỪ VIỆT CỔ TRONG KINH MINH LÝ ĐẠO VÀ PHẬT GIÁO HÒA HẢO. Huệ Khải, 2018.
- 117-1. SỰ NGHIỆP TRUNG HƯNG. Phạm Văn Liêm, 2018).
- 118-1. ĐỌC LẠI *CHUYỆN GIẤY BUỒN*. Huệ Khải, 2018.
- 119-1. PHAN THANH GIẢN XƯA VÀ NAY. Huệ Khải, 2018.
- 120-1. ÁNH SÁNG CỦA TRẦN GIÂN. Diệu Nguyên, 2018.
- 121-1. TẮM LÒNG MỘT NGƯỜI THẤY. Huệ Khải, 2018.

Ghi chú: 121-1 tức là quyển 121, in lần thứ nhất. 38-9 tức là quyển 38, in lần thứ chín.

* **ĐẠI ĐẠO VĂN UYẾN** (đã xuất bản 24 tập), Huệ Khải chủ biên (2012-2017). Từ năm 2018 rút gọn nhan đề là **ĐẠO UYẾN** (tập 25, 26...), mỗi quý ấn tống một tập.

Các bản điện tử xem tại: daidaovanuyen.blogspot.com;
huekhai.blogspot.com; chungtayantong.blogspot.com;
Xem bản tiếng Anh tại: understandingcaodaism.blogspot.com.

HỘI LUẬT GIA VIỆT NAM
NHÀ XUẤT BẢN HỒNG ĐỨC
65 Tràng Thi, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
Email: nhaxuatbanhongduc65@gmail.com
Điện thoại: 024.39260024 – Fax: 024.39260031

TẤM LÒNG MỘT NGƯỜI THẦY

Tác giả: HUỆ KHẢI

Chịu trách nhiệm xuất bản
Giám đốc: BÙI VIỆT BẮC

Chịu trách nhiệm nội dung
Tổng biên tập: LÝ BÁ TOÀN
Biên tập: Phan Thị Ngọc Minh

Sửa bản in: Diệu Nguyên, Lê Anh Minh
Trình bày sách & vẽ bìa 1: Ngô Bái Thiên
Vẽ chân dung trên bìa 1: Nguyễn Thanh Nhàn
Bìa 4: *Huệ Khải Văn Tập* 慧啓文集
Thư pháp: Trương Lộ 張路

In 2.000 cuốn, khổ 14,5cm x 20,5cm tại Xí Nghiệp In FAHASA
774 Trường Chinh, phường 15, quận Tân Bình, TpHCM.
Điện thoại: 028.38153971 – Fax: 028.38153297.
Số XNĐKXB: 4020-2018/CXBIPH/4-100/HĐ
Số QĐXB của NXB: 1513/QĐ-NXBHĐ, cấp ngày 27-11-2018.
In xong và nộp lưu chiểu năm 2018.
Mã số sách tiêu chuẩn quốc tế (ISBN): 978-604-89-5781-0